

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Quyết định số 148/QĐ-TTMS ngày 27/12/2023 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp thuốc ARV năm 2024-2025

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM MUA SẴM TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

Căn cứ Quyết định số 1567/QĐ-BYT ngày 12/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 148/QĐ-TTMS ngày 27/12/2023 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp thuốc ARV năm 2024-2025;

Căn cứ Quyết định số 32/QĐ-TTMS ngày 08/7/2024 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc đính chính thông tin cơ sở sản xuất tại Quyết định số 148/QĐ-TTMS ngày 27/12/2023 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp thuốc ARV năm 2024-2025;

Căn cứ Thông báo số 877/TB-BYT ngày 03/6/2025 của Bộ Y tế về Kết luận của Đồng chí Đỗ Xuân Tuyên – Thứ trưởng Bộ Y tế tại cuộc họp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc thực hiện Quyết định số 82/QĐ-TTg ngày 13/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về việc bãi bỏ Quyết định số 2188/QĐ-TTg ngày 15/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc thanh toán thuốc kháng virus HIV được mua sắm tập trung cấp quốc gia sử dụng nguồn quỹ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế.

Căn cứ các công văn: số 615/PB ngày 15/7/2025 và số 655/PB ngày 21/7/2025 của Cục Phòng bệnh cung cấp thông tin để ký Phụ lục điều chỉnh Thỏa thuận khung; số 1086/CPC1-KD ngày 27/6/2025 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1, số 3006/MEDI-KD ngày 30/6/2025 của Công ty Cổ phần Dược Medipharco, số 1551/CV/HPC ngày 30/6/2025 và số 1806-CV/HPC ngày 21/7/2025 của Công ty Cổ phần Dược phẩm thiết bị y tế Hà Nội, số 08.25/VĐ ngày 30/6/2025 của Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức và số 152/KSTT-GSXH ngày 30/6/2025 của Trung tâm kiểm soát thanh toán bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế điện tử về việc rà soát thông tin để ký phụ lục điều chỉnh thỏa thuận khung.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Đấu thầu.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Quyết định số 148/QĐ-TTMS ngày 27/12/2023 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp thuốc ARV năm 2024-2025, cụ thể như sau:

Điều chỉnh đoạn 2 - cách thức thực hiện tại Điều 1 như sau:

Thông tin tại Quyết định số 148/QĐ-TTMS ngày 27/12/2023	Thông tin Điều chỉnh
Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia ký thỏa thuận khung; Trung tâm Giám định bảo hiểm y tế và thanh toán đa tuyến ký hợp đồng trực tiếp với nhà thầu.	Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia ký thỏa thuận khung; Trung tâm Giám định bảo hiểm y tế và thanh toán đa tuyến và cơ sở y tế ký hợp đồng trực tiếp với nhà thầu, cụ thể như sau: - Đối với số lượng thuốc cung ứng đến ngày 28/02/2025: Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia ký thỏa thuận khung; Trung tâm Giám định bảo hiểm y tế và thanh toán đa tuyến (nay là Trung tâm Kiểm soát thanh toán bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế điện tử thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bộ Tài chính) ký hợp đồng trực tiếp với nhà thầu. - Đối với số lượng thuốc cung ứng sau ngày 28/02/2025: Nhà thầu và các cơ sở y tế sẽ ký hợp đồng để cung ứng thuốc cho từng cơ sở y tế theo danh mục, số lượng chi tiết tại phụ lục kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Các nội dung khác tại Quyết định số 148/QĐ-TTMS ngày 27/12/2023 và số 32/QĐ-TTMS ngày 08/7/2024 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia giữ nguyên, không thay đổi.

Điều 3. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng Nghiệp vụ thuộc Trung tâm và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Phòng bệnh;
- Trung tâm Kiểm soát thanh toán BHXH, BHYT điện tử;
- Công thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Các Phó Giám đốc;
- Lưu: VT, NVĐT.

GIÁM ĐỐC**Lê Thành Công**

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC THUỐC
GÓI THẦU CUNG CẤP THUỐC ARV NĂM 2024-2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 80/QĐ-TTMS ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia)

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm TCKT	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng thuốc			Đơn giá	Thành tiền (VND)		
															Tổng số	Số lượng thuốc đã cung cấp cho cơ sở đến ngày 28/02/2025	Số lượng thuốc cung cấp sau ngày 28/02/2025		Tổng số	Theo số lượng thuốc đã cung cấp cho cơ sở đến ngày 28/02/2025	Theo số lượng thuốc cung cấp sau ngày 28/02/2025
I	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1																				
1	7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir + Ritonavir	200mg + 50mg	Uống	Viên nén bao phim	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	viên	6.432.690	2.119.320	4.313.370	8.899	57.244.508.310	18.859.828.680	38.384.679.630
2	8	A04.N5	Lopimune Tablets	Lopinavir + Ritonavir	200mg + 50mg	Uống	Viên nén bao phim	Lọ 120 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	viên	272.290	119.760	152.530	8.899	2.423.108.710	1.065.744.240	1.357.364.470
TỔNG CỘNG:																			59.667.617.020	19.925.572.920	39.742.044.100
II	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức																				
1	2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	viên	1.615.962	842.640	773.322	882	1.425.278.484	743.208.480	682.070.004
2	3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	viên	6.154.348	2.847.160	3.307.188	882	5.428.134.936	2.511.195.120	2.916.939.816
TỔNG CỘNG:																			6.853.413.420	3.254.403.600	3.599.009.820
III	Công ty Cổ phần Dược Medipharco																				
1	10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	viên	2.911.828	1.293.100	1.618.728	1.395	4.062.000.060	1.803.874.500	2.258.125.560
2	11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	viên	470.200	152.640	317.560	1.395	655.929.000	212.932.800	442.996.200
TỔNG CỘNG:																			4.717.929.060	2.016.807.300	2.701.121.760
IV	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội																				
1	1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.482.725	1.311.870	1.170.855	2.800	6.951.630.000	3.673.236.000	3.278.394.000
2	5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudine + Zidovudine	150mg +300mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	6.332.290	2.764.200	3.568.090	3.000	18.996.870.000	8.292.600.000	10.704.270.000
TỔNG CỘNG:																			25.948.500.000	11.965.836.000	13.982.664.000



BỘ Y TẾ

TRUNG TÂM MUA SẴM TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

MUA SẴM
TẬP TRUNG THUỐC
QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2: PHẠM VI CUNG CẤP CHI TIẾT THEO TỪNG CƠ SỞ Y TẾ SAU NGÀY 28/02/2025
GÓI THẦU CUNG CẤP THUỐC ARV NĂM 2024-2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 80 /QĐ-TTMS ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia)

STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng thuốc		Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh	Tên CSYT ký hợp đồng	Mã KCB CSYT ký hợp đồng	Tên CSYT cấp thuốc trên cổng BHYT	Mã CSYT cấp thuốc trên cổng BHYT		
														Tổng số	Số lượng thuốc đã cung cấp cho cơ sở đến ngày 28/02/2025							Số lượng thuốc cung cấp sau ngày 28/02/2025	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	
1	A04.N2	Lopinune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	6.432.690	2.119.320	4.313.370	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1						
7	A04.N2	Lopinune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	87.120	40.800	46.320	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	An Giang	Bệnh viện đa khoa Tân Châu	89004	Bệnh viện đa khoa Tân Châu	89004	
7	A04.N2	Lopinune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	560.880	237.000	323.880	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	An Giang	Bệnh viện Đa khoa An Giang	89012	Bệnh viện Đa khoa An Giang	89012	
7	A04.N2	Lopinune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	93.900	30.000	63.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	An Giang	Trung Tâm Y tế Tịnh Biển	89006	Trung Tâm Y tế Tịnh Biển	89006	
7	A04.N2	Lopinune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	99.840	41.760	58.080	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Bà Rịa	77003	Bệnh viện Bà Rịa	77003	
7	A04.N2	Lopinune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	28.740	14.400	14.340	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Vũng Tàu	77001	Bệnh Viện Vũng Tàu	77001	
7	A04.N2	Lopinune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	29.040	6.600	22.440	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế huyện Long Đất	77005	Trung tâm y tế huyện Long Đất	77005	
7	A04.N2	Lopinune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	51.360	38.520	12.840	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Thành phố Vũng Tàu	77004	Trung tâm y tế Thành phố Vũng Tàu	77004	
7	A04.N2	Lopinune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	28.200	24.600	3.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế thành phố Phước Mỹ	77007	Trung tâm y tế thành phố Phước Mỹ	77007	
7	A04.N2	Lopinune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	139.080	33.600	105.480	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Cà Mau	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cà Mau	95079	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cà Mau	95079	
7	A04.N2	Lopinune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	2.880	1.440	1.440	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Cà Mau	Trung tâm Y tế Khu vực Hồng Dân	95005	Trung tâm Y tế Khu vực Hồng Dân	95005	
7	A04.N2	Lopinune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	14.700	0	14.700	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Cà Mau	Trung tâm Y tế Khu vực Bạc Liêu	95033	Trung tâm Y tế Khu vực Bạc Liêu	95033	
7	A04.N2	Lopinune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	105.600	54.000	51.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Vĩnh Long	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	83009	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	83009	
7	A04.N2	Lopinune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	76.200	36.000	40.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hồ Chí Minh	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	74001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	74001	
7	A04.N2	Lopinune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	34.080	0	34.080	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Thành phố Thủ Dầu Một	74008	Phòng khám đa khoa- Nhà hộ sinh thuộc Trung tâm Y tế thành phố Thủ Dầu Một	74008	
7	A04.N2	Lopinune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	3.120	0	3.120	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Huyện Phước Giáo	74089	Trung Tâm Y tế Huyện Phước Giáo	74089	
7	A04.N2	Lopinune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	66.240	27.000	39.240	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y tế Thành phố Dĩ An	74028	Trung Tâm Y tế Thành phố Dĩ An	74028	
7	A04.N2	Lopinune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	53.880	0	53.880	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Thành phố Thuận An	74039	Trung tâm y tế Thành phố Thuận An	74039	
7	A04.N2	Lopinune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	53.040	0	53.040	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Thành phố Bến Cát	74050	Trung tâm Y tế Thành phố Bến Cát	74050	
7	A04.N2	Lopinune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	2.700	600	2.100	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y tế thành phố Tân Uyên	74066	Trung Tâm Y tế thành phố Tân Uyên	74066	
7	A04.N2	Lopinune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	13.620	0	13.620	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hồ Chí Minh	TTYT Huyện Dầu Tiếng	74102	TTYT Huyện Dầu Tiếng	74102	
7	A04.N2	Lopinune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	12.000	0	12.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Đồng Nai	Bệnh viện đa khoa Bình Phước	70001	Bệnh viện đa khoa Bình Phước	70001	
7	A04.N2	Lopinune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	17.040	6.000	11.040	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Đồng Nai	Trung Tâm Y tế Khu vực Chơn Thành	70008	Trung Tâm Y tế Khu vực Chơn Thành	70008	
7	A04.N2	Lopinune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	77.820	2.400	75.420	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Cà Mau	Bệnh viện đa khoa Cà Mau	96001	Bệnh viện đa khoa Cà Mau	96001	
7	A04.N2	Lopinune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	63.360	26.880	36.480	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Cà Mau	Bệnh viện đa khoa khu vực Cà Mau	96002	Bệnh viện đa khoa khu vực Cà Mau	96002	
7	A04.N2	Lopinune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	90.720	31.200	59.520	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Cần Thơ	Trung tâm Y tế Khu vực Thốt Nốt	92010	Trung tâm Y tế Khu vực Thốt Nốt	92010	
7	A04.N2	Lopinune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	183.840	111.600	72.240	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Cần Thơ	Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ	92004	Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ	92004	
7	A04.N2	Lopinune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	21.120	0	21.120	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Cần Thơ	Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ	92003	Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ	92003	
7	A04.N2	Lopinune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	16.440	6.000	10.440	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Cần Thơ	Bệnh viện Quân Y 121	92002	Bệnh viện Quân Y 121	92002	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	33.840	0	33.840	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Đà Nẵng	Bệnh viện Đa Liễu thành phố Đà Nẵng	48013	Bệnh viện Đa Liễu thành phố Đà Nẵng	48013
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	21.120	9.240	11.880	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Đắk Lắk	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Lắk	66242	Phòng khám chuyên khoa HIV/AIDS	66242
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	4.320	0	4.320	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Lâm Đồng	Trung tâm Y tế khu vực Cư Jút	67011	Trung tâm Y tế khu vực Cư Jút	67011
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	5.760	2.760	3.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Đồng Nai	Bệnh Viện Đa Khoa Đồng Nai	75001	Bệnh Viện Đa Khoa Đồng Nai	75001
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	8.640	0	8.640	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Đồng Nai	Bệnh Viện Đa Khoa Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai	75002	Bệnh Viện Đa Khoa Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai	75002
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	23.040	12.000	11.040	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Đồng Nai	Bệnh Viện Đa Liễu Đồng Nai	75234	Bệnh Viện Đa Liễu Đồng Nai	75234
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	20.160	0	20.160	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Đồng Nai	Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	75022	Bệnh Viện Nhi Đồng Đồng Nai	75022
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	81.720	33.000	48.720	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Đồng Nai	Trung tâm Y tế khu vực Long Thành	75299	Phòng khám đa khoa - Trung tâm Y tế khu vực Long Thành	75299
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	12.600	0	12.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Đồng Tháp	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	87012	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	87012
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	91.800	12.000	79.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Đồng Tháp	Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự	87015	Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự	87015
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	69.680	18.000	51.680	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Đồng Tháp	Bệnh viện đa khoa Sa Đéc	87014	Bệnh viện đa khoa Sa Đéc	87014
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	6.480	0	6.480	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Đồng Tháp	Trung Tâm Y Tế Khu Vực Lấp Vò	87005	Trung Tâm Y Tế Khu Vực Lấp Vò	87005
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	8.800	0	8.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Đồng Tháp	Trung Tâm Y Tế Khu Vực Tháp Mười	87183	Trung Tâm Y Tế Khu Vực Tháp Mười	87183
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	2.880	2.880	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Gia Lai	Bệnh viện Đa khoa Gia Lai	64001	Bệnh viện Đa khoa Gia Lai	64001
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	1.440	1.440	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Tuyên Quang	BVĐK khu vực Quang Bình tỉnh Tuyên Quang	02013	BVĐK khu vực Quang Bình tỉnh Tuyên Quang	02013
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	1.440	1.200	240	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Tuyên Quang	Bệnh Viện Đa khoa khu vực Yên Minh tỉnh Tuyên Quang	02010	Bệnh Viện Đa khoa khu vực Yên Minh tỉnh Tuyên Quang	02010
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	48.720	13.680	35.040	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Tuyên Quang	Bệnh viện đa khoa Hà Giang tỉnh Tuyên Quang	02001	Bệnh viện đa khoa Hà Giang tỉnh Tuyên Quang	02001
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	2.640	1.200	1.440	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Ninh Bình	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	35155	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	35155
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	25.560	16.800	8.760	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hà Nội	Bệnh viện 09	01243	Bệnh viện 09	01243
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	137.280	0	137.280	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hà Nội	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung Ương	01939	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung Ương	01939
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	155.520	37.800	117.720	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Đống Đa	01004	Bệnh viện đa khoa Đống Đa	01004
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	23.160	19.680	3.480	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì	01822	Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì	01822
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	11.160	4.800	6.360	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hà Nội	Bệnh Viện Đa Khoa Sơn Tây	01831	Bệnh Viện Đa Khoa Sơn Tây	01831
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	14.400	0	14.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hà Nội	Bệnh viện Phổi Hà Nội	01903	Bệnh viện Phổi Hà Nội	01903
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	8.160	0	8.160	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hà Nội	Bệnh viện Quân Y 103	01016	Bệnh viện Quân Y 103	01016
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	30.240	6.000	24.240	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hà Nội	Trạm y tế phường Tây Hồ	01803	Phòng khám đa khoa trực thuộc Trạm Y tế phường Tây Hồ	01066
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	43.200	7.200	36.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hà Nội	Trung tâm y tế quận Ba Đình	01801	Phòng khám đa khoa 50 Hàng Bún (TTYT Quận Ba Đình)	01059
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	372.600	165.600	207.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hà Nội	Trạm Y tế phường Từ Liêm	chưa có	Phòng khám đa khoa Cầu Diễn thuộc Trạm Y tế phường Từ Liêm	01091
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	61.880	21.000	40.880	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hà Nội	Trạm y tế xã Thủ Lâm	chưa có	Phòng khám bệnh đa khoa miền Đông	01084
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	79.560	24.000	55.560	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hà Nội	Trung tâm y tế quận Đống Đa	01806	Phòng khám đa khoa số 3 (TTYT Đống Đa)	01021
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	14.400	3.600	10.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hà Nội	Trung tâm Y tế huyện Gia Lâm	01812	Phòng khám đa khoa Trâu Quỳ (TTYT Gia Lâm)	01027
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	69.240	18.000	51.240	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Long Biên	01804	Phòng khám Đa khoa Trung tâm Y tế quận Long Biên	01092
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	37.920	12.000	25.920	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hà Nội	Trung tâm Y tế quận Thanh Xuân	01809	Phòng khám đa khoa - Trung tâm y tế quận Thanh Xuân	01074
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	26.040	15.600	10.440	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hà Tĩnh	Phòng khám, Điều trị HIV/AIDS Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Tĩnh	42315	Phòng khám, Điều trị HIV/AIDS Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Tĩnh	42315

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	104.880	19.200	85.680	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCI	Hải Phòng	Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Hải Dương	30341	Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Hải Dương	30341
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	57.420	23.160	34.260	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCI	Cần Thơ	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Hậu Giang	93105	phòng chống HIV/AIDS, Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Hậu Giang	93105
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	16.740	9.480	7.260	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCI	Cần Thơ	Trung tâm Y tế Thành Phố Ngã Bảy	93108	Trung tâm Y tế Thành Phố Ngã Bảy	93108
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	42.600	0	42.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCI	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	79499	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	79499
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	66.590	0	66.590	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCI	Phước Thọ	Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình	17001	Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình	17001
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	70.920	0	70.920	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCI	Hưng Yên	Bệnh viện bệnh nhiệt đới	33913	Bệnh viện bệnh nhiệt đới	33913
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	34.200	6.000	28.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCI	Khánh Hòa	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Khánh Hòa	56195	Phòng khám CK HIV/AIDS	56195
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	45.600	0	45.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCI	Khánh Hòa	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Khánh Hòa	56195	Phòng khám CK HIV/AIDS	56195
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	13.680	3.600	10.080	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCI	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế khu vực Cam Ranh	56005	Phòng khám ngoại trú Trung tâm Y tế khu vực Cam Ranh	56192
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	6.840	0	6.840	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCI	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế khu vực Diên Khánh	56004	Trung tâm Y tế khu vực Diên Khánh	56004
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	15.840	0	15.840	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCI	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế Khu Vực Nha Trang	56008	Phòng khám Đa khoa Nha Trang	56161
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	11.520	5.760	5.760	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCI	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế khu vực Ninh Hòa	56003	Trung tâm Y tế khu vực Ninh Hòa	56003
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	41.240	28.680	12.560	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCI	An Giang	Bệnh viện Đa khoa Kiên Giang	91001	Bệnh viện Đa khoa Kiên Giang	91001
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	10.440	7.200	3.240	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCI	An Giang	Trung tâm Y tế An Minh	91009	Trung tâm Y tế An Minh	91009
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	11.400	5.040	6.360	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCI	An Giang	Trung tâm Y tế Giồng Riềng	91006	Trung tâm Y tế Giồng Riềng	91006
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	6.720	1.440	5.280	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCI	An Giang	Trung tâm Y tế Gò Quao	91007	Trung tâm Y tế Gò Quao	91007
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	3.880	2.160	1.720	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCI	An Giang	Trung tâm Y tế Kiên Lương	91013	Trung tâm Y tế Kiên Lương	91013
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	11.232	9.000	2.232	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCI	An Giang	Trung tâm Y tế Tân Hiệp	91004	Trung tâm Y tế Tân Hiệp	91004
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	4.320	0	4.320	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCI	An Giang	Trung tâm Y tế Vĩnh Thuận	91010	Trung tâm Y tế Vĩnh Thuận	91010
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	3.240	1.800	1.440	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCI	An Giang	Trung tâm Y tế Hà Tiên	91002	Trung tâm Y tế Hà Tiên	91002
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	9.120	0	9.120	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCI	An Giang	Trung tâm Y tế Phú Quốc	91011	Trung tâm Y tế Phú Quốc	91011
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	20.480	0	20.480	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCI	An Giang	Trung tâm y tế Rạch Giá	91101	Trung tâm y tế Rạch Giá	91101
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	8.640	3.480	5.160	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCI	Quảng Ngãi	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi	62152	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi (Trụ sở 2 đặt tại Kon Tum (cũ))	62152
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	20.160	4.800	15.360	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCI	Lai Châu	Trung tâm Y tế Tam Đường	12001	Trung tâm Y tế Tam Đường	12001
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	18.360	12.000	6.360	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCI	Lai Châu	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lai Châu	12143	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lai Châu	12143
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	5.040	3.960	1.080	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCI	Lai Châu	Trung tâm y tế Tân Uyên	12101	Trung tâm y tế Tân Uyên	12101
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	18.900	4.320	14.580	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCI	Lai Châu	Trung tâm Y tế Than Uyên	12016	Trung tâm Y tế Than Uyên	12016
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	31.680	7.920	23.760	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCI	Lâm Đồng	Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Lâm Đồng	68001	Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Lâm Đồng	68001
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	42.480	0	42.480	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCI	Lâm Đồng	Bệnh Viện II Lâm Đồng	68650	Bệnh Viện II Lâm Đồng	68650
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	49.320	12.000	37.320	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCI	Lâm Đồng	Trung tâm y tế Khu vực Đức Trọng	68440	Trung tâm y tế Khu vực Đức Trọng	68440
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	75.480	26.280	49.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCI	Lào Cai	Bệnh viện Đa khoa số 2 tỉnh Lào Cai	10061	Bệnh viện Đa khoa số 2 tỉnh Lào Cai	10061
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	36.000	18.000	18.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCI	Tây Ninh	Bệnh viện đa khoa khu vực Hậu Nghĩa	80007	Bệnh viện đa khoa khu vực Hậu Nghĩa	80007
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	18.360	0	18.360	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCI	Tây Ninh	Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực Kiến Tường	80013	Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực Kiến Tường	80013
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	39.240	15.600	23.640	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCI	Tây Ninh	Bệnh viện Đa khoa Long An	80001	Bệnh viện Đa khoa Long An	80001
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	35.740	18.000	17.740	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCI	Tây Ninh	Trung tâm Y tế khu vực Bến Lức	80004	Trung tâm Y tế khu vực Bến Lức	80004
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	39.720	0	39.720	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCI	Tây Ninh	Trung tâm Y tế khu vực Cần Đước	80006	Trung tâm Y tế khu vực Cần Đước	80006
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	3.360	0	3.360	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPCI	Tây Ninh	Trung tâm y tế khu vực Tầm Vu	80010	Trung tâm y tế khu vực Tầm Vu	80010

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)		
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	11.520	2.880	8.640	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Ninh Bình	Bệnh viện Đa khoa Hải Hậu	36017	Bệnh viện Đa khoa Hải Hậu	36017		
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	20.720	11.520	9.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Ninh Bình	Bệnh viện Đa khoa Nam Định	36001	Bệnh viện Đa khoa Nam Định	36001		
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	75.600	24.000	51.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Ninh Bình	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	36060	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	36060		
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	11.520	5.760	5.760	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Ninh Bình	Trung tâm Y tế Nghĩa Hưng	36028	Trung tâm Y tế Nghĩa Hưng	36028		
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	22.080	11.400	10.680	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Ninh Bình	Trung tâm Y tế Xuân Trường	36022	Trung tâm Y tế Xuân Trường	36022		
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	11.520	2.400	9.120	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Nghe An	Bệnh viện đa khoa huyện Đô Lương	40005	Bệnh viện đa khoa huyện Đô Lương	40005		
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	116.880	72.000	44.880	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Nghe An	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An	40001	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An	40001		
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	3.240	960	2.280	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Nghe An	Trung tâm y tế huyện Tân Kỳ	40012	Trung tâm y tế huyện Tân Kỳ	40012		
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	22.680	2.880	19.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Ninh Bình	Bệnh viện Đa khoa Nho Quan	37301	Bệnh viện Đa khoa Nho Quan	37301		
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	21.600	0	21.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Ninh Bình	Bệnh viện Đa khoa Kim Sơn	37701	Bệnh viện Đa khoa Kim Sơn	37701		
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	64.620	31.800	32.820	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Ninh Bình	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	37062	Phòng khám đa khoa trực thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	37062		
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	15.600	2.880	12.720	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Ninh Bình	Trung tâm y tế Gia Viễn	37401	Trung tâm y tế Gia Viễn, xã Gia Viễn	37401		
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	17.820	6.960	10.860	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Ninh Bình	Trung Tâm Y Tế Hoa Lư thuộc Sở Y tế tỉnh Ninh Bình	37501	Trung Tâm Y Tế Hoa Lư thuộc Sở Y tế tỉnh Ninh Bình	37501		
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	8.280	0	8.280	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Ninh Bình	Trung tâm y tế Yên Khánh	37801	Trung tâm y tế Yên Khánh	37801		
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	5.880	1.440	4.440	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Ninh Bình	Trung tâm Y tế Tam Điệp	37201	Trung tâm Y tế Tam Điệp	37201		
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	12.240	1.440	10.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Ninh Bình	Trung tâm Y tế Yên Mô	37601	Trung tâm Y tế Yên Mô	37601		
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	6.720	2.640	4.080	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Khánh Hòa	Trung Tâm y tế khu vực Ninh Phước	58002	Trung Tâm y tế khu vực Ninh Phước	58002		
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	1.440	0	1.440	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế khu vực Phan Rang- Tháp Chàm	58083	Phòng khám ĐK thuộc Trung tâm Y tế khu vực Phan Rang- Tháp Chàm	58083		
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	6.400	5.760	640	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phú Thọ	Bệnh viện Đa khoa khu vực Phú Thọ	25002	Bệnh viện Đa khoa khu vực Phú Thọ	25002		
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	20.400	7.200	13.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phú Thọ	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Thọ	25044	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Thọ	25044		
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	9.600	2.040	7.560	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phú Thọ	Trung tâm Y tế khu vực Thanh Sơn	25010	Trung tâm Y tế khu vực Thanh Sơn	25010		
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	10.440	0	10.440	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phú Thọ	Trung tâm Y tế khu vực Tân Sơn	25045	Trung tâm Y tế khu vực Tân Sơn	25045		
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	33.840	6.120	27.720	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Đắk Lắk	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Yên	54117	Phòng khám Chuyên khoa HIV/AIDS và điều trị nghiện chất	54117	Phòng khám Chuyên khoa HIV/AIDS và điều trị nghiện chất	54117
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	95.040	11.400	83.640	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Đà Nẵng	Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam	49001	Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam	49001		
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	2.400	0	2.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Đà Nẵng	Bệnh viện phụ sản - Nhi Quảng Nam	49112	Bệnh viện Phụ sản - Nhi Quảng Nam	49112		
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	16.440	6.840	9.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Quảng Ngãi	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi	51224	Phòng Khám, điều trị HIV/AIDS - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi	51224	Phòng Khám, điều trị HIV/AIDS - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi	51224
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	13.920	0	13.920	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Cần Thơ	Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Sóc Trăng	94001	Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Sóc Trăng	94001		
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	5.160	0	5.160	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Cần Thơ	Trung tâm Y tế Khu vực Mỹ Xuyên	94002	Trung tâm Y tế Khu vực Mỹ Xuyên	94002		
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	2.520	600	1.920	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Sơn La	Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Yên, tỉnh Sơn La	14010	Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Yên, tỉnh Sơn La	14010		
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	44.380	42.480	1.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Sơn La	Bệnh viện Đa khoa khu vực Mai Sơn, tỉnh Sơn La	14002	Bệnh viện Đa khoa khu vực Mai Sơn, tỉnh Sơn La	14002		
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	2.880	1.440	1.440	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Sơn La	Bệnh viện Đa khoa khu vực Mộc Châu, tỉnh Sơn La	14003	Bệnh viện Đa khoa khu vực Mộc Châu, tỉnh Sơn La	14003		
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	35.460	0	35.460	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Sơn La	Bệnh viện Đa khoa khu vực Mường La, tỉnh Sơn La	14009	Bệnh viện Đa khoa khu vực Mường La, tỉnh Sơn La	14009		
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	14.820	0	14.820	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Sơn La	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La	14008	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La	14008		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	17.480	8.400	9.080	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Sơn La	Bệnh viện Đa khoa khu vực Sông Mã, tỉnh Sơn La	14007	Bệnh viện Đa khoa khu vực Sông Mã, tỉnh Sơn La	14007
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	4.320	1.800	2.520	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Sơn La	Bệnh viện đa khoa khu vực Sốp Cộp, tỉnh Sơn La	14015	Bệnh viện đa khoa khu vực Sốp Cộp, tỉnh Sơn La	14015
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	30.720	0	30.720	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Sơn La	Bệnh viện Đa khoa khu vực Thuận Châu, tỉnh Sơn La	14005	Bệnh viện Đa khoa khu vực Thuận Châu, tỉnh Sơn La	14005
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	11.520	6.960	4.560	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Sơn La	Bệnh viện Đa khoa khu vực Yên Châu, tỉnh Sơn La	14006	Bệnh viện Đa khoa khu vực Yên Châu, tỉnh Sơn La	14006
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	20.810	3.360	17.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Sơn La	Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Hồ, tỉnh Sơn La	14011	Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Hồ, tỉnh Sơn La	14011
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	33.120	33.120	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Sơn La	Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La	14001	Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Sơn La	14001
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	36.000	0	36.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Sơn La	Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La	14001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La	14001
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	184.464	58.200	126.264	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Tây Ninh	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tây Ninh	72010	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tây Ninh	72010
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	27.720	12.000	15.720	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Tây Ninh	Trung Tâm Y tế Khu Vực Gò Dầu	72003	Trung Tâm Y tế Khu Vực Gò Dầu	72003
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	29.100	17.760	11.340	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Tây Ninh	Trung Tâm Y tế Khu Vực Trảng Bàng	72004	Trung Tâm Y tế Khu Vực Trảng Bàng	72004
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	22.834	8.160	14.674	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Tây Ninh	Trung tâm Y tế khu vực Hòa Thành	72002	Trung tâm Y tế khu vực Hòa Thành	72002
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	10.680	6.480	4.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hưng Yên	Bệnh viện Đa khoa Hưng Hà	34008	Bệnh viện Đa khoa Hưng Hà	34008
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	13.680	0	13.680	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hưng Yên	Bệnh viện đa khoa Đông Hưng	34006	Bệnh viện đa khoa Đông Hưng	34006
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	25.800	7.200	18.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hưng Yên	Bệnh viện Đa khoa Kiến Xương	34004	Bệnh viện Đa khoa Kiến Xương	34004
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	10.440	3.960	6.480	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hưng Yên	Bệnh viện đa khoa Quỳnh Phụ	34007	Bệnh viện đa khoa Quỳnh Phụ	34007
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	12.240	4.800	7.440	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hưng Yên	Bệnh viện Đa khoa Tiền Hải	34005	Bệnh viện Đa khoa Tiền Hải	34005
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	22.920	8.400	14.520	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hưng Yên	Bệnh viện Đa khoa Vũ Thư	34003	Bệnh viện Đa khoa Vũ Thư	34003
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	5.400	0	5.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hưng Yên	Bệnh viện Đa khoa Thái Thụy	34009	Bệnh viện Đa khoa Thái Thụy	34009
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	12.360	6.960	5.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hưng Yên	Bệnh viện đa khoa Trần Lâm	34002	Bệnh viện đa khoa Trần Lâm	34002
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	11.760	2.400	9.360	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hưng Yên	Bệnh viện Đa khoa Thái Bình	34001	Bệnh viện Đa khoa Thái Bình	34001
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	8.520	0	8.520	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hưng Yên	Bệnh viện Nhi Thái Bình	34321	Bệnh viện Nhi Thái Bình	34321
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	133.800	12.000	121.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Thái Nguyên	Bệnh viện A Thái Nguyên	19012	Bệnh viện A Thái Nguyên	19012
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	21.120	4.800	16.320	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Thái Nguyên	Trung tâm Y tế Phú Lương	19004	Trung tâm Y tế Phú Lương	19004
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	11.640	5.880	5.760	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Thái Nguyên	Trung tâm Y tế Thái Nguyên	19001	Trung tâm Y tế Thái Nguyên	19001
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	21.720	7.200	14.520	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Đồng Tháp	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy	82003	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy	82003
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	17.520	13.800	3.720	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Đồng Tháp	Bệnh viện Đa khoa khu vực Gò Công	82002	Bệnh viện Đa khoa khu vực Gò Công	82002
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	109.800	65.400	44.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Đồng Tháp	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	82215	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	82215
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	18.480	0	18.480	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Tuyên Quang	Bệnh viện đa khoa Hà Giang tỉnh Tuyên Quang	08101	Bệnh viện đa khoa Hà Giang tỉnh Tuyên Quang	08101
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	4.860	3.240	1.620	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Tuyên Quang	Trung tâm Y tế khu vực Chiêm Hóa tỉnh Tuyên Quang	08501	Trung tâm Y tế khu vực Chiêm Hóa tỉnh Tuyên Quang	08501
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	12.960	1.200	11.760	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Tuyên Quang	Trung tâm Y tế khu vực Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang	08401	Trung tâm Y tế khu vực Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang	08401
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	10.190	7.200	2.990	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Tuyên Quang	Trung tâm Y tế khu vực Sơn Dương tỉnh Tuyên Quang	08303	Trung tâm Y tế khu vực Sơn Dương tỉnh Tuyên Quang	08303
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	43.230	43.200	30	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Vĩnh Long	Bệnh viện đa khoa Vĩnh Long	86001	Bệnh viện đa khoa Vĩnh Long	86001
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	32.040	0	32.040	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phước Thọ	Trung Tâm y tế Khu vực Vĩnh Yên	26008	Trung Tâm y tế Khu vực Vĩnh Yên	26008
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	25.800	16.200	9.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Lào Cai	Bệnh viện đa khoa số 3 tỉnh Lào Cai	15901	Bệnh viện đa khoa số 3 tỉnh Lào Cai	15901
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	9.360	0	9.360	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Lào Cai	Trung tâm Y tế khu vực Lục Yên	15201	Trung tâm Y tế khu vực Lục Yên	15201

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
7	A04.N2	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 2	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	11.280	5.640	5.640	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Lào Cai	Trung tâm Y tế khu vực Văn Chấn	15601	Trung tâm Y tế khu vực Văn Chấn	15601
II	A04.N5	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	272.290	119.760	152.530	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1					
8	A04.N5	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	13.440	4.320	9.120	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Đắk Lắk	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Lắk	66242	Phòng khám chuyên khoa HIV/AIDS	66242
8	A04.N5	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	182.280	104.400	77.880	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hải Phòng	Bệnh viện Hữu nghị Việt-Tiệp	31153	Bệnh viện Hữu nghị Việt-Tiệp	31153
8	A04.N5	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	22.560	11.040	11.520	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Hải Phòng	Bệnh viện Kiến An	31031	Bệnh viện Kiến An	31031
8	A04.N5	Lopimune Tablets	Lopinavir/Ritonavir	200/50mg	Viên nén bao phim, Uống	Lọ 120 viên	Nhóm 5	24 tháng	890110089523 (VN2-592-17)	Cipla Ltd.	Ấn Độ	Viên	8.899	54.010	0	54.010	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Phủ Thọ	Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình	17001	Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình	17001
III	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	1.615.962	842.640	773.322	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức					
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	5.340	5.340		Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế huyện Long Đất	77005	Trung tâm Y tế huyện Long Đất	77005
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	38.400	38.400		Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Vĩnh Long	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	83009	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	83009
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	8.400	8.400		Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	74001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	74001
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	5.868	0		Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Dĩ An	74028	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Dĩ An	74028
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	4.212	2.500		Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Thành Phố Thuận An	74039	Trung tâm Y tế Thành Phố Thuận An	74039
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	4.032	4.000		Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Thành phố Bến Cát	74050	Trung tâm Y tế Thành phố Bến Cát	74050
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	1.320	1.300		Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	TTYT Huyện Dầu Tiếng	74102	TTYT Huyện Dầu Tiếng	74102
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	8.640	5.000		Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Đồng Nai	Trung Tâm Y Tế Khu vực Chơn Thành	70008	Trung Tâm Y Tế Khu vực Chơn Thành	70008
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	6.500	1.800		Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Cà Mau	Bệnh viện đa khoa Cà Mau	96001	Bệnh viện đa khoa Cà Mau	96001
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	30.120	11.000		Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Đà Nẵng	Bệnh viện Đa Liễu thành phố Đà Nẵng	48013	Bệnh viện Đa Liễu thành phố Đà Nẵng	48013
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	4.500	3.000		Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Đắk Lắk	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Lắk	66242	Phòng khám chuyên khoa HIV/AIDS	66242
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	5.760	13.500		Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Đồng Tháp	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	87012	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	87012
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	21.510	7.400		Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Đồng Tháp	Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự	87015	Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự	87015
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	4.600	0		Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Đồng Tháp	Bệnh viện đa khoa Sa Đéc	87014	BVĐK Sa Đéc	87014
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	3.240	0		Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Đồng Tháp	Trung Tâm Y Tế Khu Vực Lấp Vò	87005	Trung Tâm Y Tế Khu Vực Lấp Vò	87005
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	108.000	9.800		Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hà Nội	Bệnh viện Bạch Mai	01929	Bệnh viện Bạch Mai	01929

K

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	1.440	1.400	40	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hà Nội	Bệnh Viện Đa Khoa Sơn Tây	01831	Bệnh Viện Đa Khoa Sơn Tây	01831
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	1.440	0	1.440	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hà Nội	TTYT huyện Gia Lâm	01812	Phòng khám đa khoa Trầu Quỳ (TTYT Gia Lâm)	01027
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	14.160	9.000	5.160	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hà Tĩnh	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Tĩnh	42315	Phòng khám, Điều trị HIV/AIDS Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Tĩnh	42315
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	3.600	3.600	-	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hải Phòng	Bệnh viện đa khoa Thủy Nguyên	31006	Bệnh viện đa khoa Thủy Nguyên	31006
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	5.400	5.400	-	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hải Phòng	Bệnh viện đa khoa Ngô Quyền	31003	Bệnh viện đa khoa Ngô Quyền	31003
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	252.480	70.000	182.480	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hải Phòng	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiếp	31153	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiếp	31153
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	24.480	6.500	17.980	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hải Phòng	Bệnh viện Kiến An	31031	Bệnh viện Kiến An	31031
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	3.420	1.200	2.220	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hải Phòng	Bệnh viện Nhi Hải Phòng	31032	Bệnh viện Nhi Hải Phòng	31032
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	8.100	1.600	6.500	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hải Phòng	Trung tâm y tế Hải An	31020	Trung tâm y tế Hải An	31020
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	10.980	10.900	80	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Cần Thơ	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Hậu Giang	93105	Phòng khám Điều trị HIV/AIDS thuộc Khoa phòng chống HIV/AIDS, Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Hậu Giang	93105
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	58.590	28.000	30.590	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	79394	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	79394
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	17.250	11.400	5.850	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	79499	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	79499
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	39.280	36.000	3.280	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Bệnh viện thành phố Thủ Đức	79037	Bệnh viện thành phố Thủ Đức	79037
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	6.000	2.700	3.300	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y tế Quận 11	79596	Phòng khám Đa khoa (Thuộc Trung Tâm Y Tế Quận 11)	79594
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	84.840	84.800	40	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Quận 8	79582	Trung tâm Y tế Quận 8	79582
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	63.360	0	63.360	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Thành Phố Thủ Đức	79583	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủ Đức	79607
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	4.560	0	4.560	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y Tế Quận 1	79610	Trung Tâm Y Tế Quận 1 - Cơ sở 2	79651
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	15.600	15.600	-	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế quận 10	79027	Trung tâm Y tế Quận 10 - Cơ sở 2	79591
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	96.000	67.000	29.000	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y tế Quận 4	79602	Trung Tâm Y tế Quận 4 - Cơ sở 3	79662
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	56.310	56.300	10	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y Tế Quận Gò Vấp	79580	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN GÒ VẤP - CƠ SỞ 2 (Phòng khám Nội Tổng hợp)	79653

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	22.960	0	22.960	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Quận Phú Nhuận	79587	Trung tâm y tế Quận Phú Nhuận - Cơ sở 2	79656
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	8.100	8.100	-	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Quận Tân Bình	79574	Trung tâm y tế Quận Tân Bình - Cơ sở 2	79663
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	18.900	18.900	-	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Thành Phố Thủ Đức	79583	Trung tâm Y tế Thành Phố Thủ Đức	79583
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	36.900	24.000	12.900	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Phước Thọ	Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình	17001	Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình	17001
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	9.480	0	9.480	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hưng Yên	Bệnh viện bệnh nhiệt đới	33913	Bệnh viện bệnh nhiệt đới	33913
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	5.040	5.000	40	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Lâm Đồng	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng	68001	Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Lâm Đồng	68001
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	1.080	0	1.080	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Lâm Đồng	BV II Lâm Đồng	68650	BV II Lâm Đồng	68650
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	12.060	9.500	2.560	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Lào Cai	Bệnh viện đa khoa số 2 tỉnh Lào Cai	10061	Bệnh viện đa khoa số 2 tỉnh Lào Cai	10061
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	15.120	14.800	320	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Tây Ninh	Bệnh viện đa khoa khu vực Hậu Nghĩa	80007	Bệnh viện đa khoa khu vực Hậu Nghĩa	80007
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	5.760	0	5.760	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Tây Ninh	Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực Kiến Tường	80013	Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực Kiến Tường	80013
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	11.640	9.000	2.640	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Tây Ninh	Bệnh viện đa khoa Long An	80001	Bệnh viện Đa khoa Long An	80001
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	7.510	7.500	10	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Tây Ninh	Trung tâm Y tế khu vực Bến Lức	80004	Trung tâm Y tế khu vực Bến Lức	80004
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	10.320	0	10.320	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Tây Ninh	Trung tâm Y tế khu vực Cần Đức	80006	Trung tâm y tế khu vực Cần Đức	80006
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	720	0	720	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Tây Ninh	Trung tâm y tế khu vực Tầm Vu	80010	Trung tâm y tế khu vực Tầm Vu	80010
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	126.120	36.000	90.120	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Nghe An	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An	40001	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An	40001
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	1.620	1.100	520	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Nghe An	Trung tâm y tế huyện Tân Kỳ	40012	Trung tâm y tế huyện Tân Kỳ	40012
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	8.100	8.100	-	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Ninh Bình	Bệnh viện Đa khoa Kim Sơn	37701	Bệnh viện Đa khoa Kim Sơn	37701
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	1.440	0	1.440	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế khu vực Phan Rang- Tháp Chàm	58083	Phòng khám ĐK thuộc Trung tâm Y tế khu vực Phan Rang- Tháp Chàm	58083
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	14.880	3.700	11.180	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Đà Nẵng	Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam	49001	Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam	49001
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	4.230	3.900	330	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Quảng Ngãi	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi	51224	Phòng Khám, điều trị HIV/AIDS - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi	51224

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	39.240	19.700	19.540	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Cần Thơ	Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Sóc Trăng	94001	Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Sóc Trăng	94001
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	2.880	2.800	80	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Cần Thơ	Bệnh viện Chuyên khoa Sản Nhi tỉnh Sóc Trăng	94029	Bệnh viện Chuyên khoa Sản Nhi tỉnh Sóc Trăng	94029
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	2.880	700	2.180	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Cần Thơ	TTYT Khu vực Mỹ Xuyên	94002	TTYT Khu vực Mỹ Xuyên	94002
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	66.240	49.800	16.440	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Tây Ninh	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tây Ninh	72010	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tây Ninh	72010
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	9.180	4.600	4.580	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Tây Ninh	Trung Tâm Y Tế Khu Vực Bến Cầu	72005	Trung Tâm Y Tế Khu Vực Bến Cầu	72005
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	19.200	10.200	9.000	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Tây Ninh	Trung Tâm Y Tế Khu Vực Trảng Bàng	72004	Trung Tâm Y Tế Khu Vực Trảng Bàng	72004
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	7.500	2.700	4.800	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Tây Ninh	Trung tâm Y tế khu vực Hòa Thành	72002	Trung tâm Y tế khu vực Hòa Thành	72002
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	7.380	1.800	5.580	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Đồng Tháp	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy	82003	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy	82003
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	5.760	3.300	2.460	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Đồng Tháp	bệnh viện Đa khoa khu vực Gò Công	82002	bệnh viện Đa khoa khu vực Gò Công	82002
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	19.650	19.600	50	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Đồng Tháp	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	82215	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật	82215
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	9.120	0	9.120	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Vĩnh Long	Bệnh viện đa khoa Trà Vinh	84001	Bệnh viện đa khoa Trà Vinh	84001
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	1.680	0	1.680	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Vĩnh Long	Trung tâm y tế khu vực châu thành	84003	Trung tâm y tế khu vực châu thành	84003
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	1.440	1.100	340	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Vĩnh Long	Trung tâm Y tế khu vực Trà Cú	84006	Trung tâm Y tế khu vực Trà Cú	84006
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	9.420	0	9.420	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Tuyên Quang	BVĐK tỉnh Tuyên Quang	08101	BVĐK tỉnh Tuyên Quang	08101
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	2.700	2.100	600	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Tuyên Quang	TTYT khu vực Chiêm Hóa tỉnh Tuyên Quang	8501	TTYT khu vực Chiêm Hóa tỉnh Tuyên Quang	8501
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	6.480	0	6.480	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Tuyên Quang	Trung tâm Y tế khu vực Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang	8401	Trung tâm Y tế khu vực Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang	8401
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	33.540	33.500	40	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Vĩnh Long	Bệnh viện đa khoa Vĩnh Long	86001	Bệnh viện đa khoa Vĩnh Long	86001
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	4.320	4.300	20	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Lào cai	Bệnh viện Đa khoa số 3 tỉnh Lào Cai	15901	Bệnh viện Đa khoa số 3 tỉnh Lào Cai	15901
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	7.200	3.600	3.600	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Lào Cai	Trung tâm Y tế khu vực Văn Chấn	15601	Trung tâm Y tế khu vực Văn Chấn	15601
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	3.600	3.600	-	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Lào Cai	Trung tâm Y tế khu vực Văn Yên	15301	Trung tâm Y tế khu vực Văn Yên	15301

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
2	A02.N4	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	6.840	6.800	40	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Lào Cai	Trung tâm Y tế khu vực Yên Bái	15104	Trung tâm Y tế khu vực Yên Bái	15104
IV	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	6.154.348	2.847.160	3.307.188	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức					
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	87.120	35.000	52.120	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	An Giang	Bệnh viện đa khoa Tân Châu	89004	Bệnh viện đa khoa Tân Châu	89004
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	269.880	60.000	209.880	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	An Giang	Bệnh viện Đa khoa An Giang	89012	Bệnh viện Đa khoa An Giang	89012
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	17.160	8.100	9.060	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	An Giang	TTYT Châu Phú	89008	TTYT Châu Phú	89008
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	11.820	7.500	4.320	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	An Giang	TTYT Phú Tân	89005	TTYT Phú Tân	89005
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	59.040	36.200	22.840	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	An Giang	TTYT Tịnh Biên	89006	TTYT Tịnh Biên	89006
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	45.540	23.100	22.440	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Bà Rịa	77003	Bệnh viện Bà Rịa	77003
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	23.940	18.000	5.940	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Vũng Tàu	77001	Bệnh Viện Vũng Tàu	77001
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	4.260	4.260	-	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế huyện Long Đất	77005	Trung tâm Y tế huyện Long Đất	77005
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	22.440	22.400	40	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Thành phố Vũng Tàu	77004	Trung tâm y tế Thành phố Vũng Tàu	77004
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	19.440	19.400	40	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế thành phố Phú Mỹ	77007	Trung tâm y tế thành phố Phú Mỹ	77007
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	65.280	52.600	12.680	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Bắc Ninh	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Bắc Ninh số 1	24280	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật Bắc Ninh số 1	24280
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	4.320	2.000	2.320	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Thái Nguyên	Trung tâm Y tế Bạch Thông	06003	Trung tâm Y tế Bạch Thông	06003
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	1.800	0	1.800	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Thái Nguyên	Trung Tâm Y tế Chợ Đồn	06004	Trung Tâm Y tế Chợ Đồn	06004
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	1.620	1.600	20	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Thái Nguyên	Trung tâm y tế Na Ri	06006	Trung tâm y tế Na Ri	06006
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	1.440	0	1.440	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Thái Nguyên	Trung tâm Y tế Bắc Kạn	06033	Trung tâm y tế Bắc Kạn	06033
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	87.300	51.000	36.300	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Cà Mau	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cà Mau	95079	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cà Mau	95079
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	1.800	0	1.800	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Cà Mau	Trung tâm Y tế Khu vực Hồng Dân	95005	Trung tâm Y tế Khu vực Hồng Dân	95005
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	4.500	4.500	-	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Cà Mau	Trung tâm Y tế Khu vực Bạc Liêu	95033	Trung tâm Y tế Khu vực Bạc Liêu	95033

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	5.220	5.200	20	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Cà Mau	Trung tâm Y tế Khu vực Giá Rai	95004	Trung tâm Y tế Khu vực Giá Rai	95004
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	36.000	0	36.000	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Vĩnh Long	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	83009	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	83009
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	7.200	3.300	3.900	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Gia Lai	Bệnh viện đa khoa Trung tâm tỉnh Gia Lai	52001	Bệnh viện đa khoa Trung tâm tỉnh Gia Lai	52001
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	38.520	28.000	10.520	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	74001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	74001
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	23.472	17.800	5.672	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y tế Thành Phố Dĩ An	74028	Trung Tâm Y tế Thành Phố Dĩ An	74028
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	16.848	7.300	9.548	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Thành Phố Thuận An	74039	Trung tâm Y tế Thành Phố Thuận An	74039
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	16.128	0	16.128	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Thành phố Bến Cát	74050	Trung tâm Y tế Thành phố Bến Cát	74050
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	4.740	1.000	3.740	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	TTYT Huyện Dầu Tiếng	74102	TTYT Huyện Dầu Tiếng	74102
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	8.400	8.400	-	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Đồng Nai	Bệnh viện đa khoa Bình Phước	70001	Bệnh viện đa khoa Bình Phước	70001
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	13.240	4.900	8.340	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Đồng Nai	Trung Tâm Y tế Khu vực Chơn Thành	70008	Trung Tâm Y tế Khu vực Chơn Thành	70008
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	14.040	6.600	7.440	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Lâm Đồng	Trung Tâm Kiểm soát bệnh tật Bình Thuận	60167	Trung Tâm Kiểm soát bệnh tật Bình Thuận	60167
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	6.500	0	6.500	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Cà Mau	Bệnh viện đa khoa Cà Mau	96001	Bệnh viện đa khoa Cà Mau	96001
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	15.840	5.400	10.440	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Cà Mau	Bệnh viện đa khoa khu vực Cà Mau	96002	Bệnh viện đa khoa khu vực Cà Mau	96002
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	3.000	0	3.000	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Cà Mau	Bệnh viện đa khoa Trần Văn Thời	96014	BVĐK Trần Văn Thời	96014
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	81.720	53.100	28.620	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Cần Thơ	Trung tâm Y tế Khu vực Thốt Nốt	92010	Trung tâm Y tế Khu vực Thốt Nốt	92010
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	120.960	90.700	30.260	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Cần Thơ	Bệnh Viện Đa Khoa Thành Phố Cần Thơ	92004	Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ	92004
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	12.600	5.000	7.600	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Cần Thơ	Bệnh viện Nhi Đồng thành phố Cần Thơ	92003	Bệnh viện Nhi Đồng thành phố Cần Thơ	92003
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	21.600	9.000	12.600	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Cần Thơ	Bệnh viện Quân Y 121	92002	Bệnh viện Quân Y 121	92002
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	25.920	10.800	15.120	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Cần Thơ	Trung tâm Y tế Khu vực Cái Răng	92006	Trung tâm Y tế Khu vực Cái Răng	92006
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	54.780	11.600	43.180	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Cao Bằng	BVĐK tỉnh Cao Bằng	04014	BVĐK tỉnh Cao Bằng	04014

16

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	30.120	0	30.120	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Đà Nẵng	Bệnh viện Đa Liễu thành phố Đà Nẵng	48013	Bệnh viện Đa Liễu thành phố Đà Nẵng	48013
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	4.500	0	4.500	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Đắk Lắk	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Lắk	66242	Phòng khám chuyên khoa HIV/AIDS	66242
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	4.320	1.400	2.920	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Lâm Đồng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Đắk Nông	67093	Phòng khám đa khoa - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Đắk Nông	67093
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	2.460	400	2.060	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Lâm Đồng	Trung tâm Y tế khu vực Cư Jút	67011	Trung tâm Y tế khu vực Cư Jút	67011
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	8.100	10.500	120	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Điện Biên	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Điện Biên	11102	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Điện Biên	11102
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	4.140	4.100	40	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Điện Biên	Trung tâm Y tế Điện Biên Đông	11032	Trung tâm Y tế Điện Biên Đông	11032
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	7.920	7.900	20	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Điện Biên	Trung tâm Y tế Thanh An	11011	Trung tâm Y tế Thanh An	11011
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	1.440	7.400	40	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Điện Biên	Trung tâm Y tế Mường Ảng	11082	Trung tâm Y tế Mường Ảng	11082
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	2.700	2.700	-	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Điện Biên	Trung tâm Y tế Na Sang	11048	Trung tâm Y tế Na Sang	11048
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	2.700	900	1.800	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Điện Biên	Trung tâm Y tế Mường Nhé	11073	Trung tâm Y tế Mường Nhé	11073
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	2.160	0	720	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Điện Biên	Trung tâm Y tế Nậm Pồ	11061	Trung tâm Y tế Nậm Pồ	11061
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	1.440	1.400	40	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Điện Biên	Trung tâm Y tế Tủa Chùa	11060	Trung tâm Y tế Tủa Chùa	11060
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	12.840	21.200	8.440	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Điện Biên	Trung tâm Y tế Tuần Giáo	11080	Trung tâm Y tế Tuần Giáo	11080
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	7.800	0	4.320	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Điện Biên	Trung tâm Y tế Điện Biên Phủ	11002	Trung tâm Y tế Điện Biên Phủ	11002
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	6.900	1.000	5.900	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Điện Biên	Trung tâm Y tế Mường Lay	11045	Trung tâm Y tế Mường Lay	11045
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	5.760	3.000	2.760	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Đồng Nai	Bệnh Viện Đa Liễu Đồng Nai	75234	Bệnh Viện Đa Liễu Đồng Nai	75234
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	67.740	40.000	27.740	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Đồng Nai	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai	75308	Phòng khám chuyên khoa HIV/AIDS thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai	75308
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	8.100	2.500	5.600	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Đồng Nai	Trung tâm Y tế Khu Vực Long Khánh	75303	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm Y tế Khu Vực Long Khánh	75303
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	26.100	3.700	22.400	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Đồng Nai	Trung tâm Y tế khu vực Long Thành	75299	Phòng Khám đa khoa - Trung tâm Y tế khu vực Long Thành	75299
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	21.510	0	21.510	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Đồng Tháp	Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự	87015	Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự	87015

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	19.400	4.800	14.600	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Đồng Tháp	Bệnh viện đa khoa Sa Đéc	87014	Bệnh viện đa khoa Sa Đéc	87014
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	6.120	2.000	4.120	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Đồng Tháp	Trung Tâm Y Tế Khu Vực Tháp Mười	87183	Trung Tâm Y Tế Khu Vực Tháp Mười	87183
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	1.440	300	1.140	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Tuyên Quang	Bệnh Viện Đa khoa khu vực Yên Minh tỉnh Tuyên Quang	02010	Bệnh Viện Đa khoa khu vực Yên Minh tỉnh Tuyên Quang	02010
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	1.440	1.400	40	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Tuyên Quang	Bệnh viện đa khoa khu vực Vi Xuyên tỉnh Tuyên Quang	02005	Bệnh viện đa khoa khu vực Vi Xuyên tỉnh Tuyên Quang	02005
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	15.180	0	15.180	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Tuyên Quang	Bệnh viện đa khoa Hà Giang tỉnh Tuyên Quang	02001	Bệnh viện đa khoa Hà Giang tỉnh Tuyên Quang	02001
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	1.320	1.100	220	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Ninh Bình	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	35155	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	35155
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	6.120	6.100	20	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hà Nội	Bệnh viện 09	01243	Bệnh viện 09	01243
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	55.560	3.000	52.560	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hà Nội	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung Ương	01939	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung Ương	01939
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	59.700	30.700	29.000	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Đống Đa	01004	Bệnh viện đa khoa Đống Đa	01004
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	56.340	13.000	43.340	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hà Nội	Bệnh Viện Đa Khoa Hà Đống	01816	Bệnh viện đa khoa Hà Đống	01816
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	21.000	13.800	7.200	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì	01822	Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì	01822
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	720	700	20	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hà Nội	Bệnh Viện Đa Khoa Sơn Tây	01831	Bệnh Viện Đa Khoa Sơn Tây	01831
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	10.380	10.300	80	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hà Nội	Bệnh viện Phổi Hà Nội	01903	Bệnh viện Phổi Hà Nội	01903
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	14.040	1.200	12.840	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hà Nội	Trung tâm y tế quận Ba Đình	01801	Phòng khám đa khoa 50 Hàng Bún (TTYT Quận Ba Đình)	01059
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	61.400	21.300	40.100	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hà Nội	Trạm y tế xã Thụ Lâm	Chưa có	Phòng khám bệnh đa khoa miền Đông	01084
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	26.940	26.900	40	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hà Nội	Trung tâm y tế quận Đống Đa	01806	Phòng khám đa khoa số 3 (TTYT Đống Đa)	01021
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	7.200	5.100	2.100	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hà Nội	TTYT huyện Gia Lâm	01812	Phòng khám đa khoa Triều Quỳ (TTYT Gia Lâm)	01027
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	36.300	14.000	22.300	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Long Biên	01804	Phòng khám đa khoa Cầu Diễn thuộc Trạm Y tế phường Từ Liêm	01092
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	160.080	129.500	30.580	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hà Nội	Trạm Y tế phường Từ Liêm	Chưa có	Phòng khám đa khoa Cầu Diễn thuộc Trạm Y tế phường Từ Liêm	01091
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	8.280	6.300	1.980	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hà Nội	Trạm y tế phường Tây Hồ	01803	Phòng khám đa khoa trực thuộc Trạm Y tế phường Tây Hồ	01066

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	7.800	2.300	5.500	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Thanh Xuân	01809	Phòng khám đa khoa - Trung tâm Y tế Quận Thanh Xuân	01074
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	13.920	9.000	4.920	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hà Tĩnh	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Tĩnh	42315	Phòng khám, Điều trị HIV/AIDS Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Tĩnh	42315
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	100.800	78.000	22.800	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hải Phòng	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Hải Dương	30341	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Hải Dương	30341
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	3.600	0	3.600	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hải Phòng	Bệnh viện đa khoa Thủy Nguyên	31006	Bệnh viện đa khoa Thủy Nguyên	31006
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	10.980	10.900	80	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Cần Thơ	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Hậu Giang	93105	Phòng khám Điều trị HIV/AIDS thuộc Khoa phòng chống HIV/AIDS, Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Hậu Giang	93105
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	1.680	600	1.080	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Quân y 175	79034	Bệnh viện Quân y 175	79034
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	56.250	0	56.250	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	79394	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	79394
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	5.940	0	5.940	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Nhi Đồng 1	79405	Bệnh viện Nhi Đồng 1	79405
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	17.250	0	17.250	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	79499	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	79499
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	24.920	0	24.920	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Bệnh viện thành phố Thủ Đức	79037	Bệnh viện thành phố Thủ Đức	79037
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	53.520	53.500	20	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y tế Quận 11	79596	Phòng khám Đa khoa (Thuộc Trung Tâm Y tế Quận 11)	79594
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	96.540	72.000	24.540	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh	79604	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh	79603
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	77.760	60.000	17.760	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y Tế Quận 7	79590	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm y tế quận 7	79584
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	249.180	42.000	171.180	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Quận 8	79582	Trung tâm Y tế Quận 8	79582
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	112.980	112.900	80	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Quận 5	79015	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung Tâm Y tế Quận 5	79613
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	52.980	52.900	80	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Thành Phố Thủ Đức	79583	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm y tế Thành phố Thủ Đức	79607
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	20.400	20.400	-	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế huyện Củ Chi	79764	Phòng khám đa khoa (Thuộc Trung Tâm Y tế huyện Củ Chi)	79764
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	9.420	4.000	5.420	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế huyện Cần Giờ	79042	Trung tâm y tế huyện Cần Giờ	79042
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	92.880	50.000	42.880	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y huyện Hóc Môn	79640	Trung tâm Y tế huyện Hóc Môn - Cơ sở 2	79609
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	23.640	14.000	9.640	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Huyện Nhà Bè	79729	Trung tâm Y tế Huyện Nhà Bè	79729

B

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	43.420	18.000	25.420	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y Tế Quận 1	79610	Trung Tâm Y Tế Quận 1 - Cơ sở 2	79651
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	39.900	30.000	9.900	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế quận 10	79027	Trung tâm y tế Quận 10 - Cơ sở 2	79591
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	133.500	66.000	67.500	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Quận 3	79009	Trung tâm y tế Quận 3 - Cơ sở 4	79600
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	192.000	0	192.000	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung Tâm y tế Quận 4	79602	Trung Tâm Y tế Quận 4 - Cơ sở 3	79662
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	205.200	0	196.200	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Quận 6	79599	Trung tâm y tế Quận 6 - Cơ sở 2	79657
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	49.140	49.100	40	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế quận Bình Tân	79996	Phòng khám nội tổng hợp thuộc Trung tâm Y tế quận Bình Tân	79586
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	256.860	153.700	103.160	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung Tâm y tế Quận Bình Thạnh	79579	Trung Tâm Y tế quận Bình Thạnh - Cơ sở 2	79655
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	87.210	10.000	77.210	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y tế Quận Gò Vấp	79580	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN GÒ VẤP - CƠ SỞ 2 (Phòng khám Nội Tổng hợp)	79653
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	92.160	45.000	47.160	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y tế Quận Phú Nhuận	79587	Trung tâm y tế Quận Phú Nhuận - Cơ sở 2	79656
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	129.720	129.700	20	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Quận Tân Bình	79574	Trung tâm y tế Quận Tân Bình - Cơ sở 2	79663
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	61.320	0	61.320	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Quận Tân Phú	79577	Trung tâm y tế Quận Tân Phú - Cơ sở 2	79664
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	36.300	20.000	16.300	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Thành Phố Thủ Đức	79583	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Thủ Đức	79583
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	78.480	57.900	20.580	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Thành Phố Thủ Đức	79583	Trung tâm Y tế thành phố Thủ Đức - Cơ sở 2	79652
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	47.400	17.200	30.200	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Quận 12	79612	Trung tâm y tế Quận 12	79612
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	8.160	0	8.160	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hưng Yên	Bệnh viện bệnh nhiệt đới	33913	Bệnh viện bệnh nhiệt đới	33913
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	720	700	20	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Khánh Hòa	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Khánh Hòa	56195	Phòng khám CK HIV/AIDS	56195
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	1.440	1.400	40	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Khánh Hòa	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Khánh Hòa	56195	Phòng khám CK HIV/AIDS	56195
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	1.440	1.400	40	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế khu vực Cam Ranh	56005	Phòng khám ngoại trú - Trung tâm Y tế khu vực Cam Ranh	56192
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	3.420	0	3.420	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Khánh Hòa	Trung tâm y tế khu vực Diên Khánh	56004	Trung tâm y tế khu vực Diên Khánh	56004
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	3.960	0	3.960	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Khánh Hòa	Trung Tâm Y tế Khu Vực Nha Trang	56008	Phòng khám da khoa Nha Trang	56161

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	1.440	1.100	340	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế khu vực Ninh Hòa	56003	Trung tâm Y tế khu vực Ninh Hòa	56003
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	34.980	13.000	21.980	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	An Giang	Bệnh viện Đa khoa Kiên Giang	91001	Bệnh viện Đa khoa Kiên Giang	91001
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	5.460	600	4.860	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	An Giang	Trung Tâm Y Tế An Minh	91009	Trung Tâm Y Tế An Minh	91009
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	8.280	1.500	2.880	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	An Giang	Trung tâm Y tế Giồng Riềng	91006	Trung tâm Y tế Giồng Riềng	91006
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	3.360	3.300	60	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	An Giang	Trung tâm Y tế Kiên Lương	91013	Trung tâm Y tế Kiên Lương	91013
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	15.840	19.300	2.060	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	An Giang	Trung tâm Y tế Tân Hiệp	91004	Trung tâm Y tế Tân Hiệp	91004
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	1.620	0	-	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	An Giang	Trung tâm Y tế Vĩnh Thuận	91010	Trung tâm Y tế Vĩnh Thuận	91010
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	1.440	1.400	40	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	An Giang	Trung tâm Y tế Hà Tiên	91002	Trung tâm Y tế Hà Tiên	91002
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	8.100	3.600	4.500	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	An Giang	Trung tâm Y tế Phú Quốc	91011	Trung tâm Y tế Phú Quốc	91011
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	16.140	8.200	7.940	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	An Giang	Trung tâm y tế Rạch Giá	91101	Trung tâm y tế Rạch Giá	91101
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	900	0	900	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Lâm Đồng	BV II Lâm Đồng	68650	BV II Lâm Đồng	68650
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	3.780	0	3.780	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Lâm Đồng	Trung tâm y tế Khu vực Đức Trọng	68440	Trung tâm y tế Khu vực Đức Trọng	68440
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	73.020	73.000	20	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Lạng Sơn	Trung tâm y tế Khu vực Cao Lỗ	20011	Trung tâm y tế Khu vực Cao Lỗ	20011
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	4.500	4.500	-	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Lào Cai	Bệnh viện đa khoa khu vực Văn Bàn	10008	Bệnh viện đa khoa khu vực Văn Bàn	10008
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	28.440	4.800	23.640	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Lào Cai	Bệnh viện đa khoa số 2 tỉnh Lào Cai	10061	Bệnh viện đa khoa số 2 tỉnh Lào Cai	10061
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	14.860	0	14.860	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Tây Ninh	Bệnh viện đa khoa khu vực Hậu Nghĩa	80007	Bệnh viện đa khoa khu vực Hậu Nghĩa	80007
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	5.760	0	5.760	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Tây Ninh	Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực Kiến Tường	80013	Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực Kiến Tường	80013
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	11.880	0	11.880	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Tây Ninh	Bệnh viện đa khoa Long An	80001	Bệnh viện Đa khoa Long An	80001
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	7.250	7.200	50	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Tây Ninh	Trung Tâm Y tế khu vực Bến Lức	80004	Trung Tâm Y tế khu vực Bến Lức	80004
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	10.500	5.000	5.500	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Tây Ninh	Trung tâm Y tế khu vực Cần Đức	80006	Trung tâm Y tế khu vực Cần Đức	80006

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	780	0	780	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Tây Ninh	Trung tâm y tế khu vực Tâm Vu	80010	Trung tâm y tế khu vực Tâm Vu	80010
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	8.640	4.300	4.340	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Ninh Bình	Bệnh viện Đa khoa Hải Hậu	36017	Bệnh viện Đa khoa Hải Hậu	36017
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	15.540	4.500	11.040	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Ninh Bình	Bệnh viện Đa khoa Nam Định	36001	Bệnh viện Đa khoa Nam Định	36001
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	43.740	19.400	24.340	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Ninh Bình	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	36060	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	36060
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	8.640	3.000	5.640	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Ninh Bình	Trung tâm Y tế Nghĩa Hưng	36028	Trung tâm Y tế Nghĩa Hưng	36028
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	16.560	7.200	9.360	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Ninh Bình	Trung tâm Y tế Xuân Trường	30622	Trung tâm Y tế Xuân Trường	30622
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	7.200	0	7.200	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Nghe An	Trung Tâm Y Tế Huyện Quế Phong	40018	Trung Tâm Y Tế Huyện Quế Phong	40018
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	2.880	1.400	1.480	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Nghe An	Trung Tâm Y Tế Huyện Tương Dương	40014	Trung Tâm Y Tế Huyện Tương Dương	40014
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	6.660	5.000	1.660	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Ninh Bình	Bệnh viện Đa khoa Nho Quan	37301	Bệnh viện Đa khoa Nho Quan	37301
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	8.820	0	8.820	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Ninh Bình	Bệnh viện Đa khoa Kim Sơn	37701	Bệnh viện Đa khoa Kim Sơn	37701
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	41.400	6.400	35.000	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Ninh Bình	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	37062	Phòng khám đa khoa trực thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	37062
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	6.000	1.400	4.600	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Ninh Bình	Trung tâm y tế Gia Viễn	37401	Trung tâm y tế Gia Viễn, xã Gia Viễn	37401
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	8.280	1.600	6.680	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Ninh Bình	Trung Tâm Y Tế Hoa Lư thuộc Sở Y tế tỉnh Ninh Bình	37501	Trung Tâm Y Tế Hoa Lư thuộc Sở Y tế tỉnh Ninh Bình	37501
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	1.440	0	1.440	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Ninh Bình	Trung tâm y tế Yên Khánh	37801	Trung tâm y tế Yên Khánh	37801
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	1.440	0	1.440	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Ninh Bình	Trung tâm Y tế Tam Điệp	37201	Trung tâm y tế Tam Điệp	37201
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	4.320	700	3.620	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Ninh Bình	Trung tâm Y tế Yên Mô	37601	Trung tâm y tế Yên Mô	37601
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	1.440	1.400	40	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Khánh Hòa	Trung Tâm y tế khu vực Ninh Phước	58002	Trung Tâm y tế khu vực Ninh Phước	58002
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	13.680	6.000	7.680	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Phú Thọ	Bệnh viện Đa khoa khu vực Phú Thọ	25002	Bệnh viện Đa khoa khu vực Phú Thọ	25002
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	5.040	0	5.040	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Phú Thọ	BVĐK tỉnh Phú Thọ	25001	BVĐK tỉnh Phú Thọ	25001
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	12.900	9.600	3.300	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Phú Thọ	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Thọ	25044	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Thọ	25044

B

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	24.000	0	24.000	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Đà Nẵng	Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam	49001	Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam	49001
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	4.290	0	4.290	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Quảng Ngãi	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi	51224	Phòng Khám, điều trị HIV/AIDS - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi	51224
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	334.440	120.500	213.940	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Quảng Ninh	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh	22001	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh	22001
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	47.820	18.000	29.820	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Quảng Ninh	Bệnh viện Việt Nam-Thụy Điển Uống Bì	22030	Bệnh viện Việt Nam-Thụy Điển Uống Bì	22030
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	8.100	8.100	-	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Quảng Ninh	Trung tâm Y tế huyện Văn Đồn	22021	Trung tâm Y tế huyện Văn Đồn	22021
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	27.780	10.200	17.580	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Quảng Ninh	Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái	22027	Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái	22027
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	1.320	0	1.320	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Quảng Trị	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị (Cơ sở 2)	45092	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị (Cơ sở 2)	45092
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	3.600	0	3.600	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Cần Thơ	Bệnh viện Chuyên khoa Sản Nhi tỉnh Sóc Trăng	94029	Bệnh viện Chuyên khoa Sản Nhi tỉnh Sóc Trăng	94029
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	2.520	0	2.520	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Sơn La	Bệnh viện Đa khoa khu vực Phù Yên, tỉnh Sơn La	14004	Bệnh viện Đa khoa khu vực Phù Yên, tỉnh Sơn La	14004
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	3.480	300	3.180	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Sơn La	Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Yên, tỉnh Sơn La	14010	Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Yên, tỉnh Sơn La	14010
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	34.920	12.000	22.920	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Sơn La	Bệnh viện Đa khoa khu vực Mai Sơn, tỉnh Sơn La	14002	Bệnh viện Đa khoa khu vực Mai Sơn, tỉnh Sơn La	14002
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	37.920	21.600	16.320	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Sơn La	Bệnh viện Đa khoa khu vực Mường La, tỉnh Sơn La	14009	Bệnh viện Đa khoa khu vực Mường La, tỉnh Sơn La	14009
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	3.480	3.400	80	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Sơn La	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La	14008	Bệnh viện Đa khoa khu vực Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La	14008
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	2.940	2.900	40	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Sơn La	Bệnh viện Đa khoa khu vực Sông Mã, tỉnh Sơn La	14007	Bệnh viện Đa khoa khu vực Sông Mã, tỉnh Sơn La	14007
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	13.080	13.000	80	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Sơn La	Bệnh viện Đa khoa khu vực Thuận Châu, tỉnh Sơn La	14005	Bệnh viện Đa khoa khu vực Thuận Châu, tỉnh Sơn La	14005
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	5.400	5.400	-	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Sơn La	Bệnh viện Đa khoa khu vực Yên Châu, tỉnh Sơn La	14006	Bệnh viện Đa khoa khu vực Yên Châu, tỉnh Sơn La	14006
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	15.990	0	15.990	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Sơn La	Bệnh viện Đa khoa khu vực Văn Hồ, tỉnh Sơn La	14011	Bệnh viện Đa khoa khu vực Văn Hồ, tỉnh Sơn La	14011
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	37.440	5.000	32.440	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Sơn La	Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Sơn La	14001	Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Sơn La	14001
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	13.680	4.000	9.680	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Tây Ninh	Trung Tâm Y Tế Khu Vực Gò Dầu	72003	Trung Tâm Y Tế Khu Vực Gò Dầu	72003
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	1.800	1.400	400	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hưng Yên	Bệnh viện Đa khoa Hưng Hà	34008	Bệnh viện Đa khoa Hưng Hà	34008

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	15.360	5.000	10.360	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hưng Yên	Bệnh viện Đa khoa Đống Hưng	34006	Bệnh viện Đa khoa Đống Hưng	34006
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	19.140	9.200	9.940	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hưng Yên	Bệnh viện Đa khoa Kiến Xương	34004	Bệnh viện Đa khoa Kiến Xương	34004
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	4.320	1.500	2.820	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hưng Yên	Bệnh viện Đa khoa Quỳnh Phú	34007	Bệnh viện Đa khoa Quỳnh Phú	34007
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	7.200	1.200	6.000	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hưng Yên	Bệnh viện Đa khoa Tiên Hải	34005	Bệnh viện Đa khoa Tiên Hải	34005
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	14.460	5.000	9.460	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hưng Yên	Bệnh viện Đa khoa Vũ Thư	34003	Bệnh viện Đa khoa Vũ Thư	34003
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	5.940	0	5.940	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hưng Yên	Bệnh viện Đa khoa Thái Thụy	34009	Bệnh viện Đa khoa Thái Thụy	34009
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	8.460	3.000	5.460	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hưng Yên	Bệnh viện Đa khoa Trần Lãm	34002	Bệnh viện Đa khoa Trần Lãm	34002
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	4.380	1.000	3.380	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hưng Yên	Bệnh viện Đa khoa Thái Bình	34001	Bệnh viện Đa khoa Thái Bình	34001
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	5.760	500	5.260	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Hưng Yên	Bệnh viện Nhi Thái Bình	34321	Bệnh viện Nhi Thái Bình	34321
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	111.240	29.000	82.240	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Thái Nguyên	Bệnh viện A Thái Nguyên	19012	Bệnh viện A Thái Nguyên	19012
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	5.640	2.000	3.640	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Thái Nguyên	Bệnh viện Đa khoa Phú Bình	19009	Bệnh viện Đa khoa Phú Bình	19009
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	4.020	4.000	20	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Thái Nguyên	Bệnh viện Đa khoa Đại Từ	19007	Bệnh viện Đa khoa Đại Từ	19007
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	9.360	3.000	6.360	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Thái Nguyên	Trung tâm Y tế Đồng Hỷ	19005	Trung tâm Y tế Đồng Hỷ	19005
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	7.200	1.200	6.000	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Thái Nguyên	Trung tâm Y tế Phổ Yên	19008	Trung tâm Y tế Phổ Yên	19008
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	13.860	4.600	9.260	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Thái Nguyên	Trung tâm y tế Thái Nguyên	19001	Trung tâm y tế thành phố Thái Nguyên	19001
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	32.580	20.400	12.180	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Thái Nguyên	Trung tâm Y tế Phú Lương	19004	Trung tâm y tế Phú Lương	19004
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	3.000	2.000	1.000	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện Đa khoa Hà Trung	38180	Bệnh viện Đa khoa Hà Trung	38180
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	2.280	2.200	80	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Thanh Hóa	Bệnh Viện Đa Khoa Lang Chánh	38080	Bệnh Viện Đa Khoa Lang Chánh	38080
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	1.500	600	900	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa Mường Lát	38270	Bệnh viện đa khoa Mường Lát	38270
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	3.000	3.000	-	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện Đa khoa Như Thanh	38250	Bệnh viện Đa khoa Như Thanh	38250

ẤM
ẤM
THƯ
GIA

18

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	1.500	900	600	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện Đa khoa Như Xuân	38070	Bệnh viện Đa khoa Như Xuân	38070
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	2.220	0	2.220	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Thanh Hóa	Bệnh Viện Đa Khoa Quảng Xương	38220	Bệnh Viện Đa Khoa Quảng Xương	38220
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	1.500	700	800	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa Thọ Xuân	38120	Bệnh viện đa khoa Thọ Xuân	38120
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	10.500	3.300	7.200	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa Ngọc Lặc	38090	Bệnh viện đa khoa Ngọc Lặc	38090
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	25.800	9.000	16.800	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Thanh Hóa	Bệnh viện Đa khoa Hạc Thành	38010	Bệnh viện Đa khoa Hạc Thành	38010
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	23.940	12.000	11.940	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Thanh Hóa	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa	38741	Phòng khám và điều trị HIV/AIDS, điều trị nghiện chất thuộc trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa	38741
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	1.440	1.400	9.040	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Huế	Bệnh viện Trung ương Huế	46001	Bệnh viện Trung ương Huế	46001
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	2.880	2.800	80	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Huế	Phòng khám chuyên khoa và điều trị nghiện chất - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Huế	46211	Phòng khám chuyên khoa và điều trị nghiện chất - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Huế	46211
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	19.710	19.700	15.610	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Đồng Tháp	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	82215	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật	82215
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	9.600	0	9.600	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Vinh Long	Bệnh viện đa khoa Trà Vinh	84001	Bệnh viện đa khoa Trà Vinh	84001
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	4.320	0	4.320	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Vinh Long	Trung tâm Y tế khu vực Càng Long	84002	Trung tâm Y tế khu vực Càng Long	84002
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	5.520	3.600	1.920	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Vinh Long	Trung tâm y tế khu vực châu thành	84003	Trung tâm y tế khu vực châu thành	84003
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	4.320	0	4.320	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Vinh Long	Trung tâm Y tế khu vực Trà Cú	84006	Trung tâm Y tế khu vực Trà Cú	84006
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	2.880	0	2.880	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Vinh Long	Trung tâm Y tế khu vực Duyên Hải	84008	Trung tâm Y tế khu vực Duyên Hải	84008
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	4.260	0	4.260	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Tuyên Quang	BVĐK tỉnh Tuyên Quang	08101	BVĐK tỉnh Tuyên Quang	08101
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	2.160	0	2.160	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Tuyên Quang	TTYT khu vực Chiêm Hóa tỉnh Tuyên Quang	08501	TTYT khu vực Chiêm Hóa tỉnh Tuyên Quang	08501
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	4.680	0	4.680	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Tuyên Quang	Trung tâm Y tế khu vực Hầm Yên tỉnh Tuyên Quang	08401	Trung tâm Y tế khu vực Hầm Yên tỉnh Tuyên Quang	08401
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	10.200	0	10.200	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Tuyên Quang	Trung tâm Y tế khu vực Sơn Dương tỉnh Tuyên Quang	08303	Trung tâm Y tế khu vực Sơn Dương tỉnh Tuyên Quang	08303
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	33.600	22.600	11.000	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Vinh Long	Bệnh viện đa khoa Vĩnh Long	86001	Bệnh viện đa khoa Vĩnh Long	86001
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	1.800	900	900	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Phú Thọ	Trung tâm y tế khu vực Lập Thạch	26002	Trung tâm y tế khu vực Lập Thạch	26002

B

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	10.680	5.400	5.280	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Phủ Tho	Trung tâm y tế khu vực Sông Lô	26003	Trung tâm y tế khu vực Sông Lô	26003
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	15.900	8.000	7.900	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Phủ Tho	Trung tâm y tế khu vực Vĩnh Yên	26008	Trung tâm y tế khu vực Vĩnh Yên	26008
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	4.320	4.300	20	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Lào Cai	Bệnh viện Đa khoa số 3 tỉnh Lào Cai	15901	Bệnh viện Đa khoa số 3 tỉnh Lào Cai	15901
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	7.200	3.600	3.600	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Lào Cai	Trung tâm Y tế khu vực Văn Chấn	15601	Trung tâm y tế khu vực Văn Chấn	15601
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	3.600	3.600	-	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Lào Cai	Trung tâm Y tế khu vực Văn Yên	15301	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	15301
3	A02.N5	Lamivudin Hasan 150	Lamivudin	150mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 03 vỉ x 10 viên, Hộp 05 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD-34459-20	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	882	6.840	6.800	40	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Lào Cai	Trung tâm Y tế khu vực Yên Bái	15104	Trung tâm y tế khu vực Yên Bái	15104
V	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	2.911.828	1.293.100	1.618.728	Công ty Cổ phần Dược Medipharco					
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	43.560	23.000	20.560	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	An Giang	Bệnh viện đa khoa Tân Châu	89004	Bệnh viện đa khoa Tân Châu	89004
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	135.040	48.000	87.040	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	An Giang	Bệnh viện Đa khoa An Giang	89012	Bệnh viện Đa khoa An Giang	89012
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	8.580	4.000	4.580	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	An Giang	TTYT Châu Phú	89008	TTYT Châu Phú	89008
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	5.910	0	5.910	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	An Giang	TTYT Phú Tân	89005	TTYT Phú Tân	89005
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	29.520	12.300	17.220	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	An Giang	TTYT Tịnh Biên	89006	TTYT Tịnh Biên	89006
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	14.850	14.850	-	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Bắc Ninh	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Bắc Ninh số 1	24280	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Bắc Ninh số 1	24280
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	720	0	720	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Thái Nguyên	Trung tâm Y tế Bắc Kan	06033	Trung tâm Y tế Bắc Kan	06033
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	43.650	20.000	23.650	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Cà Mau	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cà Mau	95079	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cà Mau	95079
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	900	0	900	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Cà Mau	Trung tâm Y tế Khu vực Hồng Dân	95005	Trung tâm Y tế Khu vực Hồng Dân	95005
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	720	700	20	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Cà Mau	Trung tâm Y tế Khu vực Bạc Liêu	95033	Trung tâm Y tế Khu vực Bạc Liêu	95033
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	2.610	2.610	-	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Cà Mau	Trung tâm Y tế Khu vực Giá Rai	95004	Trung tâm Y tế Khu vực Giá Rai	95004
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	17.790	14.000	3.790	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Vĩnh Long	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	83009	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	83009
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	19.620	19.620	-	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	74001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	74001
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	11.736	9.000	2.736	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Thành Phố Dĩ An	74028	Trung tâm Y tế Thành Phố Dĩ An	74028
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	5.265	2.470	2.795	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Thành Phố Thuận An	74039	Trung tâm Y tế Thành Phố Thuận An	74039
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	8.064	1.600	6.464	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Thành phố Bến Cát	74050	Trung tâm Y tế Thành phố Bến Cát	74050
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	2.220	1.500	720	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	TTYT Huyện Dầu Tiếng	74102	TTYT Huyện Dầu Tiếng	74102
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	11.040	4.500	6.540	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Đồng Nai	Trung tâm Y tế Khu vực Chơn Thành	70008	Trung tâm Y tế Khu vực Chơn Thành	70008
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	7.020	3.000	4.020	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Lâm Đồng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Bình Thuận	60167	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Bình Thuận	60167
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	3.240	1.350	1.890	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Cà Mau	Bệnh viện đa khoa Cà Mau	96001	Bệnh viện đa khoa Cà Mau	96001
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	7.920	5.700	2.220	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Cà Mau	Bệnh viện đa khoa khu vực Cà Mau	96002	Bệnh viện đa khoa khu vực Cà Mau	96002
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	840	840	-	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Cà Mau	Bệnh viện đa khoa Trần Văn Thời	96014	BVĐK Trần Văn Thời	96014
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	40.860	27.000	13.860	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Cần Thơ	Trung tâm Y tế khu vực Thốt Nốt	92010	Trung tâm Y tế khu vực Thốt Nốt	92010
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	60.480	30.160	30.320	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Cần Thơ	Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ	92004	Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ	92004
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	10.800	3.000	7.800	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Cần Thơ	Bệnh viện Quân y 121	92002	Bệnh viện Quân y 121	92002
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	12.960	3.200	9.760	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Cần Thơ	Trung tâm Y tế Khu vực Cái Răng	92006	Trung tâm Y tế Khu vực Cái Răng	92006

K

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	20.010	7.260	12.750	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Cao Bằng	BVĐK tỉnh Cao Bằng	04014	Bệnh viện đa khoa tỉnh Cao Bằng	04014
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	15.150	7.000	8.150	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Đà Nẵng	Bệnh viện Đa Liễu thành phố Đà Nẵng	48013	Bệnh viện Đa Liễu thành phố Đà Nẵng	48013
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	1.410	510	900	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Đắk Lắk	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Lắk	66242	Phòng khám chuyên khoa HIV/AIDS	66242
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	720	360	360	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Lâm Đồng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Đắk Nông	67093	Phòng khám đa khoa - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Đắk Nông	67093
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	600	0	600	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Lâm Đồng	Trung tâm Y tế khu vực Cư Jút	67011	Trung tâm Y tế khu vực Cư Jút	67011
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	4.050	4.050	-	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Điện Biên	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Điện Biên	11102	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Điện Biên	11102
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	2.070	1.000	1.070	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Điện Biên	Trung tâm Y tế Điện Biên Đông	11032	Trung tâm Y tế Điện Biên Đông	11032
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	3.960	3.960	-	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Điện Biên	Trung tâm Y tế Thanh An	11011	Trung tâm Y tế Thanh An	11011
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	720	720	-	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Điện Biên	Trung tâm Y tế Mường Ảng	11082	Trung tâm Y tế Mường Ảng	11082
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	1.350	1.350	-	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Điện Biên	Trung tâm Y tế Na Sang	11048	Trung tâm Y tế Na Sang	11048
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	1.350	0	1.350	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Điện Biên	Trung tâm Y tế Mường Nhé	11073	Trung tâm Y tế Mường Nhé	11073
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	1.080	0	1.080	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Điện Biên	Trung tâm Y tế Nậm Pồ	11061	Trung tâm Y tế Nậm Pồ	11061
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	720	720	-	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Điện Biên	Trung tâm Y tế Tủa Chùa	11060	Trung tâm Y tế Tủa Chùa	11060
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	6.390	1.530	4.860	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Điện Biên	Trung tâm Y tế Tuần Giáo	11080	Trung tâm Y tế Tuần Giáo	11080
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	3.900	0	3.900	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Điện Biên	Trung tâm Y tế Điện Biên Phủ	11002	Trung tâm Y tế Điện Biên Phủ	11002
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	3.450	0	3.450	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Điện Biên	Trung tâm Y tế Mường Lát	11045	Trung tâm Y tế Mường Lát	11045
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	2.880	1.500	1.380	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Đồng Nai	Bệnh Viện Đa Liễu Đồng Nai	75234	Bệnh Viện Đa Liễu Đồng Nai	75234
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	33.870	17.000	16.870	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Đồng Nai	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai	75308	Phòng khám chuyên khoa HIV/AIDS thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai	75308
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	3.600	2.000	1.600	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Đồng Nai	Trung tâm Y tế Khu Vực Long Khánh	75303	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm Y tế Khu Vực Long Khánh	75303
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	13.050	3.300	9.750	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Đồng Nai	Trung tâm Y tế khu vực Long Thành	75299	Phòng Khám đa khoa - Trung tâm Y tế khu vực Long Thành	75299
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	2.880	2.880	-	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Đồng Tháp	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	87012	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	87012
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	6.900	1.200	5.700	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Đồng Tháp	Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự	87015	Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự	87015
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	3.100	0	3.100	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Đồng Tháp	Bệnh viện đa khoa Sa Đéc	87014	Bệnh viện đa khoa Sa Đéc	87014
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	1.100	0	1.100	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Đồng Tháp	Trung tâm Y tế Khu Vực Lấp Vò	87005	Trung tâm Y tế Khu Vực Lấp Vò	87005
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	3.060	1.000	2.060	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Đồng Tháp	Trung tâm Y tế Khu Vực Tháp Mười	87183	Trung tâm Y tế Khu Vực Tháp Mười	87183
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	720	150	570	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Tuyên Quang	Bệnh Viện Đa khoa khu vực Yên Minh tỉnh Tuyên Quang	02010	Bệnh Viện Đa khoa khu vực Yên Minh tỉnh Tuyên Quang	02010
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	720	720	-	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Tuyên Quang	Bệnh viện đa khoa khu vực Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang	02005	Bệnh viện đa khoa khu vực Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang	02005
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	7.590	0	7.590	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Tuyên Quang	Bệnh viện đa khoa Hà Giang tỉnh Tuyên Quang	02001	Bệnh viện đa khoa Hà Giang tỉnh Tuyên Quang	02001
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	360	0	360	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Ninh Bình	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	35155	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	35155
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	3.060	1.500	1.560	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hà Nội	Bệnh viện 09	01243	Bệnh viện 09	01243
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	54.000	0	54.000	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hà Nội	Bệnh viện Bạch Mai	01929	Bệnh viện Bạch Mai	01929
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	19.830	0	19.830	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hà Nội	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung Ương	01939	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung Ương	01939
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	29.850	7.890	21.960	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hà Nội	Bệnh viện Đa Khoa Đống Đa	01004	Bệnh viện Đa Khoa Đống Đa	01004
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	28.170	10.000	18.170	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hà Nội	Bệnh Viện Đa Khoa Hà Đông	01816	Bệnh viện đa khoa Hà Đông	01816

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	10.500	2.310	8.190	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì	01822	Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì	01822
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	1.440	1.440	-	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hà Nội	Bệnh Viện Đa Khoa Sơn Tây	01831	Bệnh Viện Đa Khoa Sơn Tây	01831
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	4.680	4.680	-	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hà Nội	Bệnh viện Phổi Hà Nội	01903	Bệnh viện Phổi Hà Nội	01903
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	6.900	300	6.600	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hà Nội	Trung tâm y tế quận Ba Đình	01801	Phòng khám đa khoa 50 Hàng Bùn (TTYT Quận Ba Đình)	01059
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	20.790	6.600	14.190	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hà Nội	Trạm y tế xã Thư Lâm	Chưa có	Phòng khám bệnh đa khoa miền Đông	01084
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	12.930	12.930	-	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hà Nội	Trung tâm y tế quận Đống Đa	01806	Phòng khám đa khoa số 3 (TTYT Đống Đa)	01021
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	4.320	2.500	1.820	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hà Nội	TTYT huyện Gia Lâm	01812	Phòng khám đa khoa Trần Quý (TTYT Gia Lâm)	01027
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	18.150	4.600	13.550	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Long Biên	01804	Phòng khám Đa khoa Trung tâm (TTYT quận Long Biên)	01092
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	52.840	32.050	20.790	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hà Nội	Trạm y tế phường Từ Liêm	Chưa có	Phòng khám đa khoa Cầu Diễn thuộc Trạm Y tế phường Từ Liêm	01091
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	4.140	0	4.140	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hà Nội	Trạm y tế phường Tây Hồ	01803	Phòng khám đa khoa trực thuộc Trạm Y tế phường Tây Hồ	01066
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	3.900	2.280	1.620	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Thanh Xuân	01809	Phòng khám đa khoa - Trung tâm Y tế quận Thanh Xuân	01074
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	12.510	6.800	5.710	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hà Tĩnh	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Tĩnh	42315	Phòng khám, Điều trị HIV/AIDS Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Tĩnh	42315
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	24.300	18.000	6.300	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hải Phòng	Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Hải Dương	30341	Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Hải Dương	30341
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	2.100	0	2.100	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hải Phòng	Bệnh viện DK Thủy Nguyên	31006	Bệnh viện DK Thủy Nguyên	31006
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	1.710	0	1.710	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hải Phòng	Bệnh viện đa khoa Ngô Quyền	31003	Bệnh viện đa khoa Ngô Quyền	31003
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	66.360	36.000	30.360	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hải Phòng	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiếp	31153	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiếp	31153
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	3.240	1.200	2.040	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hải Phòng	Bệnh viện Kiến An	31031	Bệnh viện Kiến An	31031
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	1.710	0	1.710	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hải Phòng	Bệnh viện Nhi Hải Phòng	31032	Bệnh viện Nhi Hải Phòng	31032
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	1.800	800	1.000	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hải Phòng	Trung tâm y tế Hải An	31020	Trung tâm y tế Hải An	31020
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	10.980	10.980	-	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Cần Thơ	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Hậu Giang	93105	Phòng khám Điều trị HIV/AIDS thuộc Khoa phòng chống HIV/AIDS, Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Hậu Giang	93105
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	660	0	660	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Quân y 175	79034	Bệnh viện Quân y 175	79034
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	25.545	16.500	9.045	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	79394	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	79394
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	1.980	0	1.980	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Nhi Đồng 1	79405	Bệnh viện Nhi Đồng 1	79405
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	17.250	7.800	9.450	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	79499	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	79499
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	38.250	0	38.250	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Bệnh viện thành phố Thủ Đức	79037	Bệnh viện thành phố Thủ Đức	79037
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	19.560	18.000	1.560	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y tế Quận 11	79596	Phòng khám Đa khoa (Thuộc Trung Tâm Y tế Quận 11)	79594
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	38.490	24.000	14.490	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh	79604	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh	79603
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	37.800	20.000	17.800	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh	79604	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh	79603
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	152.280	81.900	70.380	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Quận 8	79582	Trung tâm Y tế Quận 8	79582
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	34.080	25.100	8.980	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Quận 5	79015	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung Tâm Y tế Quận 5	79613
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	21.450	21.450	-	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Thành Phố Thủ Đức	79583	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủ Đức	79607

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	10.200	10.200	-	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế huyện Củ Chi	79764	Phòng khám đa khoa (Thuộc Trung Tâm Y tế huyện Củ Chi)	79764
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	4.830	1.600	3.230	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế huyện Cần Giuộc	79042	Trung tâm y tế huyện Cần Giuộc	79042
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	56.700	30.000	26.700	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y huyện Học Môn	79640	Trung tâm Y tế huyện Học Môn - Cơ sở 2	79609
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	11.820	7.200	4.620	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Huyện Nhà Bè	79729	Trung tâm y tế Huyện Nhà Bè	79729
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	25.920	11.000	14.920	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y Tế Quận 1 - Cơ sở 2	79610	Trung Tâm Y Tế Quận 1 - Cơ sở 2	79651
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	29.100	0	21.300	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế quận 10	79027	Trung tâm y tế Quận 10 - Cơ sở 2	79591
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	38.250	13.040	25.210	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Quận 3	79009	Trung tâm y tế Quận 3 - Cơ sở 4	79600
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	144.000	28.000	116.000	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y tế Quận 4	79602	Trung Tâm Y tế Quận 4 - Cơ sở 3	79662
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	31.680	10.000	21.680	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Quận 6	79599	Trung tâm y tế Quận 6 - Cơ Sở 2	79657
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	25.830	12.990	12.840	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế quận Bình Tân	79996	Phòng khám nội tổng hợp thuộc Trung tâm Y tế quận Bình Tân	79586
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	133.110	105.000	28.110	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế quận Bình Thạnh	79579	Trung tâm y tế quận Bình Thạnh - Cơ sở 2	79655
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	43.380	36.000	7.380	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y Tế Quận Gò Vấp	79580	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN GÒ VẤP - CƠ SỞ 2 (Phòng khám Nội Tổng hợp)	79653
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	54.270	17.000	37.270	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y Tế Quận Phú Nhuận	79587	Trung tâm y tế Quận Phú Nhuận - Cơ sở 2	79656
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	54.640	34.000	20.640	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Quận Tân Bình	79574	Trung tâm Y tế Quận Tân Bình - Cơ sở 2	79663
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	30.660	0	30.660	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Quận Tân Phú	79577	Trung tâm y tế Quận Tân Phú - Cơ sở 2	79664
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	16.080	9.000	7.080	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Thành Phố Thủ Đức	79583	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Thủ Đức	79583
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	40.740	40.740	-	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Thành Phố Thủ Đức	79583	Trung tâm Y tế thành phố Thủ Đức - Cơ sở 2	79652
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	10.050	10.050	-	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Quận 12	79612	Trung tâm Y tế Quận 12	79612
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	14.640	3.450	11.190	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Quận 12	79612	Trung tâm Y tế Quận 12	79612
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	18.450	3.000	15.450	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Phú Thọ	Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình	17001	Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình	17001
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	8.820	0	8.820	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hưng Yên	Bệnh viện bệnh nhiệt đới	33913	Bệnh viện bệnh nhiệt đới	33913
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	360	360	-	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Khánh Hòa	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Khánh Hòa	56195	Phòng khám CK HIV/AIDS	56195
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	720	720	-	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Khánh Hòa	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Khánh Hòa	56195	Phòng khám CK HIV/AIDS	56195
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	720	320	400	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế khu vực Cam Ranh	56005	Phòng khám ngoại trú - Trung tâm Y tế khu vực Cam Ranh	56192
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	1.710	0	1.710	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Khánh Hòa	Trung tâm y tế khu vực Diên Khánh	56004	Trung tâm y tế khu vực Diên Khánh	56004
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	1.980	0	1.980	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Khánh Hòa	Trung Tâm Y tế Khu Vực Nha Trang	56008	Phòng khám Đa khoa Nha Trang	56161
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	720	600	120	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế khu vực Ninh Hòa	56003	Trung tâm Y tế khu vực Ninh Hòa	56003
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	17.490	4.890	12.600	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	An Giang	Bệnh viện Đa khoa Kiến Giang	91001	Bệnh viện Đa khoa Kiến Giang	91001
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	2.640	600	2.040	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	An Giang	Trung Tâm Y Tế An Minh	91009	Trung Tâm Y Tế An Minh	91009
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	3.660	540	3.120	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	An Giang	Trung tâm Y tế Giồng Riềng	91006	Trung tâm Y tế Giồng Riềng	91006
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	1.680	1.680	-	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	An Giang	Trung tâm Y tế Kiến Lương	91013	Trung tâm Y tế Kiến Lương	91013
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	7.920	7.920	-	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	An Giang	trung tâm Y tế Tân Hiệp	91004	trung tâm Y tế Tân Hiệp	91004
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	810	0	810	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	An Giang	Trung tâm Y tế Vĩnh Thuận	91010	Trung tâm Y tế Vĩnh Thuận	91010
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	720	720	-	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	An Giang	Trung tâm Y tế Hà Tiên	91002	Trung tâm Y tế Hà Tiên	91002
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	4.050	1.800	2.250	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	An Giang	Trung tâm Y tế Phú Quốc	91011	Trung tâm Y tế Phú Quốc	91011
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	7.800	2.250	5.550	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	An Giang	Trung tâm y tế Rạch Giá	91101	Trung tâm y tế Rạch Giá	91101
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	2.520	2.520	-	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Lâm Đồng	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng	68001	Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Lâm Đồng	68001
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	990	0	990	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Lâm Đồng	BV II Lâm Đồng	68650	BV II Lâm Đồng	68650

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	1.890	0	1.890	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Lâm Đồng	Trung tâm y tế Khu vực Đức Trọng	68440	Trung tâm y tế Khu vực Đức Trọng	68440
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	36.510	20.000	16.510	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Lạng Sơn	Trung tâm y tế Khu vực Cao Lỗ	20011	Trung tâm y tế Khu vực Cao Lỗ	20011
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	2.250	1.800	450	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Lào Cai	Bệnh viện đa khoa khu vực Văn Bàn	10008	Bệnh viện đa khoa khu vực Văn Bàn	10008
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	14.490	6.210	8.280	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Lào Cai	Bệnh viện đa khoa số 2 tỉnh Lào Cai	10061	Bệnh viện đa khoa số 2 tỉnh Lào Cai	10061
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	11.970	4.000	7.970	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Tây Ninh	Bệnh viện đa khoa khu vực Hậu Nghĩa	80007	Bệnh viện đa khoa khu vực Hậu Nghĩa	80007
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	2.940	0	2.940	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Tây Ninh	Bệnh viện Đa Khoa Khu Vực Kiến Tường	80013	Bệnh viện Đa Khoa Khu Vực Kiến Tường	80013
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	8.460	2.400	6.060	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Tây Ninh	Bệnh viện đa khoa Long An	80001	Bệnh viện Đa khoa Long An	80001
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	5.510	5.500	10	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Tây Ninh	Trung tâm Y tế khu vực Bến Lức	80004	Trung tâm Y tế khu vực Bến Lức	80004
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	7.470	3.000	4.470	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Tây Ninh	Trung tâm Y tế khu vực Cần Đức	80006	Trung tâm Y tế khu vực Cần Đức	80006
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	750	0	750	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Tây Ninh	Trung tâm Y tế khu vực Tâm Vu	80010	Trung tâm Y tế khu vực Tâm Vu	80010
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	4.320	2.160	2.160	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Ninh Bình	Bệnh viện Đa khoa Hải Hậu	36017	Bệnh viện Đa khoa Hải Hậu	36017
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	7.770	2.400	5.370	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Ninh Bình	Bệnh viện Đa khoa Nam Định	36001	Bệnh viện Đa khoa Nam Định	36001
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	11.220	1.200	10.020	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Ninh Bình	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	36060	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	36060
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	4.320	1.740	2.580	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Ninh Bình	Trung tâm Y tế Nghĩa Hưng	36028	Trung tâm Y tế Nghĩa Hưng	36028
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	8.280	4.000	4.280	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Ninh Bình	Trung tâm Y tế Xuân Trường	36022	Trung tâm Y tế Xuân Trường	36022
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	64.710	3.000	61.710	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Nghệ An	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An	40001	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An	40001
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	3.600	0	3.600	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Nghệ An	Trung tâm Y tế Huyện Quỳnh Lưu	40018	Trung tâm Y tế Huyện Quỳnh Lưu	40018
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	1.440	1.400	40	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Nghệ An	Trung tâm Y tế Huyện Tương Dương	40014	Trung tâm Y tế Huyện Tương Dương	40014
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	3.330	1.000	2.330	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Ninh Bình	Bệnh viện Đa khoa Nho Quan	37301	Bệnh viện Đa khoa Nho Quan	37301
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	7.320	2.000	5.320	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Ninh Bình	Bệnh viện Đa khoa Kim Sơn	37701	Bệnh viện Đa khoa Kim Sơn	37701
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	20.698	0	20.698	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Ninh Bình	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	37062	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	37062
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	3.000	1.440	1.560	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Ninh Bình	Trung tâm y tế Gia Viễn	37401	Trung tâm y tế Gia Viễn	37401
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	4.140	1.110	3.030	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Ninh Bình	Trung tâm Y tế Hoa Lư thuộc Sở Y tế tỉnh Ninh Bình	37501	Trung tâm Y tế Hoa Lư thuộc Sở Y tế tỉnh Ninh Bình	37501
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	720	0	720	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Ninh Bình	Trung tâm y tế Yên Khánh	37801	Trung tâm y tế Yên Khánh	37801
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	750	0	750	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Ninh Bình	Trung tâm Y tế Tam Điệp	37201	Trung tâm Y tế Tam Điệp	37201
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	2.160	540	1.620	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Ninh Bình	Trung tâm Y tế Yên Mô	37601	Trung tâm Y tế Yên Mô	37601
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	720	720	-	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Khánh Hòa	Trung tâm y tế khu vực Ninh Phước	58002	Trung tâm y tế khu vực Ninh Phước	58002
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	720	0	720	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế khu vực Phan Rang- Tháp Chàm	58083	Phòng khám ĐK thuộc Trung tâm Y tế khu vực Phan Rang- Tháp Chàm	58083
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	2.400	0	2.400	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Phú Thọ	Bệnh viện Đa khoa khu vực Phú Thọ	25002	Bệnh viện Đa khoa khu vực Phú Thọ	25002
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	2.520	0	2.520	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Phú Thọ	BVĐK tỉnh Phú Thọ	25001	BVĐK tỉnh Phú Thọ	25001
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	13.440	2.700	10.740	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Đà Nẵng	Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam	49001	Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam	49001
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	4.260	2.800	1.460	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Quảng Ngãi	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi	51224	Phòng Khám, điều trị HIV/AIDS - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi	51224
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	1.260	0	1.260	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Sơn La	Bệnh viện Đa khoa khu vực Phù Yên, tỉnh Sơn La	14004	Bệnh viện Đa khoa khu vực Phù Yên, tỉnh Sơn La	14004
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	1.740	150	1.590	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Sơn La	Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Yên, tỉnh Sơn La	14010	Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Yên, tỉnh Sơn La	14010
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	17.460	5.500	11.960	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Sơn La	Bệnh viện Đa khoa khu vực Mai Sơn, tỉnh Sơn La	14002	Bệnh viện Đa khoa khu vực Mai Sơn, tỉnh Sơn La	14002

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	18.960	0	18.960	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Son La	Bệnh viện Đa khoa khu vực Mường La, tỉnh Sơn La	14009	Bệnh viện Đa khoa khu vực Mường La, tỉnh Sơn La	14009
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	1.740	1.740	-	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Son La	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La	14008	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La	14008
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	1.470	0	1.470	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Son La	Bệnh viện Đa khoa khu vực Sông Mã, tỉnh Sơn La	14007	Bệnh viện Đa khoa khu vực Sông Mã, tỉnh Sơn La	14007
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	6.540	6.540	-	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Son La	Bệnh viện Đa khoa khu vực Thuận Châu, tỉnh Sơn La	14005	Bệnh viện Đa khoa khu vực Thuận Châu, tỉnh Sơn La	14005
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	2.700	2.700	-	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Son La	Bệnh viện Đa khoa khu vực Yên Châu, tỉnh Sơn La	14006	Bệnh viện Đa khoa khu vực Yên Châu, tỉnh Sơn La	14006
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	7.800	500	7.300	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Son La	Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Hồ, tỉnh Sơn La	14011	Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Hồ, tỉnh Sơn La	14011
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	3.600	1.000	2.600	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Son La	Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Sơn La	14001	Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Sơn La	14001
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	33.120	7.700	25.420	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Tây Ninh	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tây Ninh	72010	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tây Ninh	72010
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	4.590	2.300	2.290	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Tây Ninh	Trung Tâm Y Tế Khu Vực Bến Cầu	72005	Trung Tâm Y Tế Khu Vực Bến Cầu	72005
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	6.840	6.840	-	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Tây Ninh	Trung Tâm Y Tế Khu Vực Gò Dầu	72003	Trung Tâm Y Tế Khu Vực Gò Dầu	72003
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	9.600	7.200	2.400	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Tây Ninh	Trung Tâm Y Tế Khu Vực Trảng Bàng	72004	Trung Tâm Y Tế Khu Vực Trảng Bàng	72004
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	3.750	1.350	2.400	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Tây Ninh	Trung tâm Y tế khu vực Hòa Thành	72002	Trung tâm Y tế khu vực Hòa Thành	72002
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	4.920	3.500	1.420	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hưng Yên	Bệnh viện đa khoa Đông Hưng	34006	Bệnh viện đa khoa Đông Hưng	34006
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	7.800	4.200	3.600	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hưng Yên	Bệnh viện Đa khoa Kiến Xương	34004	Bệnh viện Đa khoa Kiến Xương	34004
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	2.160	900	1.260	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hưng Yên	Bệnh viện đa khoa Quỳnh Phụ	34007	Bệnh viện đa khoa Quỳnh Phụ	34007
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	3.600	600	3.000	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hưng Yên	Bệnh viện Đa khoa Tiền Hải	34005	Bệnh viện Đa khoa Tiền Hải	34005
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	5.340	2.000	3.340	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hưng Yên	Bệnh viện Đa khoa Vũ Thư	34003	Bệnh viện Đa khoa Vũ Thư	34003
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	2.970	0	2.970	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hưng Yên	Bệnh viện Đa khoa Thái Thụy	34009	Bệnh viện Đa khoa Thái Thụy	34009
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	1.500	1.000	500	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hưng Yên	Bệnh viện đa khoa Trần Lâm	34002	Bệnh viện đa khoa Trần Lâm	34002
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	2.190	300	1.890	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hưng Yên	Bệnh viện Đa khoa Thái Bình	34001	Bệnh viện Đa khoa Thái Bình	34001
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	51.250	4.800	46.450	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Thái Nguyên	Bệnh viện A Thái Nguyên	19012	Bệnh viện A Thái Nguyên	19012
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	2.820	0	2.820	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Thái Nguyên	Bệnh viện Đa khoa Phú Bình	19009	Bệnh viện Đa khoa Phú Bình	19009
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	1.950	1.000	950	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Thái Nguyên	Bệnh viện Đa khoa Đại Từ	19007	Bệnh viện Đa khoa Đại Từ	19007
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	4.680	200	4.480	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Thái Nguyên	Trung tâm Y tế Đông Hy	19005	Trung tâm Y tế Đông Hy	19005
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	3.360	300	3.060	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Thái Nguyên	Trung tâm Y tế Phố Yên	19008	Trung tâm Y tế Phố Yên	19008
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	7.110	1.000	6.110	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Thái Nguyên	Trung tâm y tế Thái Nguyên	19001	Trung tâm y tế Thái Nguyên	19001
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	14.910	3.150	11.760	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Thái Nguyên	Trung tâm Y tế Phú Lương	19004	Trung tâm Y tế Phú Lương	19004
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	1.500	500	1.000	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Thanh Hóa	Bệnh viện Đa khoa Hà Trung	38180	Bệnh viện Đa khoa Hà Trung	38180
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	1.140	1.100	40	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Thanh Hóa	Bệnh Viện Đa Khoa Lang Chánh	38080	Bệnh Viện Đa Khoa Lang Chánh	38080
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	750	300	450	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa Mường Lát	38270	Bệnh viện đa khoa Mường Lát	38270
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	1.500	1.500	-	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Thanh Hóa	Bệnh viện Đa khoa Như Thanh	38250	Bệnh viện Đa khoa Như Thanh	38250
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	750	0	750	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Thanh Hóa	Bệnh viện Đa khoa Như Xuân	38070	Bệnh viện Đa khoa Như Xuân	38070
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	1.110	0	1.110	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Thanh Hóa	Bệnh Viện Đa Khoa Quảng Xương	38220	Bệnh Viện Đa Khoa Quảng Xương	38220
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	750	300	450	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa Thọ Xuân	38120	Bệnh viện đa khoa Thọ Xuân	38120
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	5.250	1.200	4.050	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa Ngọc Lặc	38090	Bệnh viện đa khoa Ngọc Lặc	38090
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	12.900	6.000	6.900	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Thanh Hóa	Bệnh viện Đa khoa Hạc Thành	38010	Bệnh viện Đa khoa Hạc Thành	38010

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	11.970	6.000	5.970	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Thanh Hóa	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa	38741	Phòng khám và điều trị HIV/AIDS, điều trị nghiện chất thuộc trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa	38741
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	720	0	720	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Huế	Bệnh viện Trung ương Huế	46001	Bệnh viện Trung ương Huế	46001
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	1.440	1.400	40	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Huế	Phòng khám chuyên khoa và điều trị nghiện chất - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Huế	46211	Phòng khám chuyên khoa và điều trị nghiện chất - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Huế	46211
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	3.690	900	2.790	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Đồng Tháp	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy	82003	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy	82003
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	2.880	1.800	1.080	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Đồng Tháp	Bệnh viện Đa khoa khu vực Gò Công	82002	Bệnh viện Đa khoa khu vực Gò Công	82002
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	17.040	17.000	7.840	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Đồng Tháp	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	82215	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	82215
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	4.560	1.000	3.560	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Vĩnh Long	Bệnh viện Đa khoa Trà Vinh	84001	Bệnh viện Đa khoa Trà Vinh	84001
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	840	0	840	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Vĩnh Long	Trung tâm Y tế khu vực Châu Thành	84003	Trung tâm Y tế khu vực Châu Thành	84003
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	720	400	320	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Vĩnh Long	Trung tâm Y tế khu vực Trà Cú	84006	Trung tâm Y tế khu vực Trà Cú	84006
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	6.840	0	6.840	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Tuyên Quang	BVĐK tỉnh Tuyên Quang	08101	BVĐK tỉnh Tuyên Quang	08101
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	1.080	0	1.080	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Tuyên Quang	TTYT khu vực Chiêm Hóa tỉnh Tuyên Quang	08501	TTYT khu vực Chiêm Hóa tỉnh Tuyên Quang	08501
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	2.340	0	2.340	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Tuyên Quang	Trung tâm Y tế khu vực Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang	08401	Trung tâm Y tế khu vực Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang	08401
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	5.100	1.000	4.100	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Tuyên Quang	Trung tâm Y tế khu vực Sơn Dương tỉnh Tuyên Quang	08303	Trung tâm Y tế khu vực Sơn Dương tỉnh Tuyên Quang	08303
10	A05.N4	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	25.260	19.700	5.560	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Vĩnh Long	Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Long	86001	Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Long	86001
VI	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	470.200	152.640	317.560	Công ty Cổ phần Dược Medipharco					
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	6.900	0	6.900	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Đồng Tháp	Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự	87015	Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự	87015
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	22.770	3.540	19.230	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Bà Rịa	77003	Bệnh viện Bà Rịa	77003
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	11.970	9.000	2.970	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Vũng Tàu	77001	Bệnh Viện Vũng Tàu	77001
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	4.800	4.800	-	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế huyện Long Đất	77005	Trung tâm Y tế huyện Long Đất	77005
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	11.370	11.300	70	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Thành phố Vũng Tàu	77004	Trung tâm y tế Thành phố Vũng Tàu	77004
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	9.720	9.700	20	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế thành phố Phú Mỹ	77007	Trung tâm y tế thành phố Phú Mỹ	77007
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	1.530	1.500	30	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Cà Mau	Trung tâm Y tế Khu vực Bạc Liêu	95033	Trung tâm Y tế Khu vực Bạc Liêu	95033
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	3.600	1.600	2.000	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Gia Lai	Bệnh viện đa khoa Trung tâm tỉnh Gia Lai	52001	Bệnh viện đa khoa Trung tâm tỉnh Gia Lai	52001
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	4.230	0	4.230	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Đồng Nai	Bệnh viện đa khoa Bình Phước	70001	Bệnh viện đa khoa Bình Phước	70001
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	3.240	0	3.240	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Cà Mau	Bệnh viện đa khoa Cà Mau	96001	BVĐK Cà Mau	96001
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	840	0	840	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Cà Mau	Bệnh viện đa khoa Trần Văn Thời	96014	BVĐK Trần Văn Thời	96014
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	15.150	0	15.150	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Đà Nẵng	Bệnh viện Đa Liễu thành phố Đà Nẵng	48013	Bệnh viện Đa Liễu thành phố Đà Nẵng	48013
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	2.280	2.100	180	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Đắk Lắk	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Lắk	66242	Phòng khám chuyên khoa HIV/AIDS	66242
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	1.440	360	1.080	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Lâm Đồng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Đắk Nông	67093	Phòng khám đa khoa - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Đắk Nông	67093
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	630	300	330	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Lâm Đồng	Trung tâm Y tế khu vực Cư Jút	67011	Trung tâm Y tế khu vực Cư Jút	67011
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	8.900	1.500	7.400	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Đồng Tháp	Bệnh viện đa khoa Sa Đéc	87014	Bệnh viện đa khoa Sa Đéc	87014
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	300	0	300	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Ninh Bình	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	35155	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	35155
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	10.200	10.200	-	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y tế Quận 11	79596	Phòng khám Đa khoa (Thuộc Trung Tâm Y Tế Quận 11)	79594

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	23.520	0	23.520	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Thành Phố Thủ Đức	79583	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủ Đức	79607
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	33.840	0	33.840	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Quận 6	79599	Trung tâm y tế Quận 6 - Cơ Sở 2	79657
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	23.700	0	23.700	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y Tế Quận Gò Vấp	79580	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN GÒ VẤP - CƠ SỞ 2 (Phòng khám Nội Tổng hợp)	79653
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	9.120	9.120	-	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Thành Phố Thủ Đức	79583	Trung Tâm Y Tế Thành Phố Thủ Đức	79583
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	4.050	0	4.050	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Tây Ninh	Bệnh viện đa khoa khu vực Hậu Nghĩa	80007	Bệnh viện đa khoa khu vực Hậu Nghĩa	80007
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	2.820	0	2.820	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Tây Ninh	Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực Kiến Tường	80013	Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực Kiến Tường	80013
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	3.300	0	3.300	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Tây Ninh	Bệnh viện đa khoa Long An	80001	Bệnh viện đa khoa Long An	80001
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	1.870	1.800	70	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Tây Ninh	Trung Tâm Y tế khu vực Bến Lức	80004	Trung Tâm Y tế khu vực Bến Lức	80004
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	2.940	0	2.940	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Tây Ninh	Trung tâm Y tế khu vực Cần Đức	80006	Trung tâm Y tế khu vực Cần Đức	80006
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	4.440	4.440	-	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Phước Thọ	Bệnh viện Đa khoa khu vực Phước Thọ	25002	Bệnh viện Đa khoa khu vực Phước Thọ	25002
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	6.660	2.400	4.260	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Phước Thọ	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phước Thọ	25044	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phước Thọ	25044
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	6.000	0	6.000	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Đà Nẵng	Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam	49001	Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam	49001
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	139.090	46.800	92.290	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Quảng Ninh	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh	22001	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh	22001
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	15.630	3.840	11.790	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Quảng Ninh	Bệnh viện Việt Nam-Thụy Điển Uông Bí	22030	Bệnh viện Việt Nam-Thụy Điển Uông Bí	22030
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	4.050	3.600	450	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Quảng Ninh	Trung tâm Y tế huyện Văn Đồn	22021	Trung tâm Y tế huyện Văn Đồn	22021
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	13.890	5.400	8.490	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Quảng Ninh	Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái	22027	Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái	22027
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	16.020	9.900	6.120	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Cần Thơ	Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Sóc Trăng	94001	Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Sóc Trăng	94001
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	3.240	200	3.040	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Cần Thơ	Bệnh viện Chuyên khoa Sản Nhi tỉnh Sóc Trăng	94029	Bệnh viện Chuyên khoa Sản Nhi tỉnh Sóc Trăng	94029
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	1.440	360	1.080	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Cần Thơ	TTYT Khu vực Mỹ Xuyên	94002	TTYT Khu vực Mỹ Xuyên	94002
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	4.800	0	4.800	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Vĩnh Long	Bệnh viện đa khoa Trà Vinh	84001	Bệnh viện đa khoa Trà Vinh	84001
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	2.160	0	2.160	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Vĩnh Long	Trung tâm Y tế khu vực Càng Long	84002	Trung tâm Y tế khu vực Càng Long	84002
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	2.760	900	1.860	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Vĩnh Long	Trung tâm y tế khu vực Châu Thành	84003	Trung tâm y tế khu vực Châu Thành	84003
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	2.160	0	2.160	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Vĩnh Long	Trung tâm Y tế khu vực Trà Cú	84006	Trung tâm Y tế khu vực Trà Cú	84006
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	1.440	0	1.440	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Vĩnh Long	Trung tâm Y tế khu vực Duyên Hải	84008	Trung tâm Y tế khu vực Duyên Hải	84008
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	900	0	900	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Tuyên Quang	TTYT khu vực Chiếm Hòa tỉnh Tuyên Quang	08501	TTYT khu vực Chiếm Hòa tỉnh Tuyên Quang	08501
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	2.220	0	2.220	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Tuyên Quang	Trung tâm Y tế khu vực Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang	08401	Trung tâm Y tế khu vực Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang	08401
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	8.310	0	8.310	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Vĩnh Long	Bệnh viện đa khoa Vĩnh Long	86001	Bệnh viện đa khoa Vĩnh Long	86001
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	4.680	2.700	1.980	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Phước Thọ	Trung tâm y tế Khu vực Sông Lô	26003	Trung tâm y tế Khu vực Sông Lô	26003
11	A05.N5	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén, Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 5	36 tháng	VD3-175-22	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	1.395	5.280	5.280	-	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Phước Thọ	Trung Tâm y tế Khu vực Vĩnh Yên	26008	Trung Tâm y tế Khu vực Vĩnh Yên	26008
VII	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	2.482.725	1.311.870	1.170.855	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội					
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	6.510	0	6.510	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	An Giang	Bệnh viện Đa khoa An Giang	89012	Bệnh viện Đa khoa An Giang	89012
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	21.540	21.540	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	An Giang	Trung tâm Y tế Long Xuyên	89001	Trung tâm Y tế Long Xuyên	89001
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	12.630	10.050	2.580	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	An Giang	TTYT Châu Phú	89008	TTYT Châu Phú	89008
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	14.820	6.000	8.820	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	An Giang	TTYT Phú Tân	89005	TTYT Phú Tân	89005
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	17.430	4.320	13.110	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	An Giang	Trung Tâm Y tế Châu Đốc	89002	Trung Tâm Y tế Châu Đốc	89002
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	4.590	3.510	1.080	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Bà Rịa	77003	Bệnh viện Bà Rịa	77003

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	35.850	25.200	10.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Vũng Tàu	77001	Bệnh viện Vũng Tàu	77001
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	10.560	10.560	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế huyện Long Đất	77005	Trung tâm Y tế huyện Long Đất	77005
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	780	0	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế huyện Xuyên Mộc	77006	Trung tâm y tế huyện Xuyên Mộc	77006
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	11.400	11.400	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Thành phố Vũng Tàu	77004	Trung tâm Y tế Thành phố Vũng Tàu	77004
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	4.650	5.430	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế thành phố Phước Mỹ	77007	Trung tâm y tế thành phố Phước Mỹ	77007
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	24.030	24.030	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Bắc Ninh	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Bắc Ninh số 1	24280	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Bắc Ninh số 1	24280
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	2.160	1.200	960	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Thái Nguyên	Trung tâm Y tế Bạch Thống	06003	Trung tâm Y tế Bạch Thống	06003
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	900	0	900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Thái Nguyên	Trung tâm Y tế Chợ Đồn	06004	Trung tâm Y tế Chợ Đồn	06004
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	34.110	26.400	7.710	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Cà Mau	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cà Mau	95079	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cà Mau	95079
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	11.070	5.400	5.670	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Cà Mau	Trung tâm Y tế Khu vực Bạc Liêu	95033	Trung tâm Y tế Khu vực Bạc Liêu	95033
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	120	0	120	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Vĩnh Long	Bệnh viện đa khoa khu vực Ba Tri	83100	Bệnh viện đa khoa khu vực Ba Tri	83100
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	34.650	21.000	13.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Vĩnh Long	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	83009	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	83009
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	6.975	6.960	15	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	74001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	74001
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	5.040	0	5.040	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Thành phố Thủ Đức Một	74008	Phòng khám đa khoa Nhà hộ sinh thuộc Trung tâm Y tế thành phố Thủ Đức Một	74008
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	22.920	9.990	12.930	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Thành phố Dĩ An	74028	Trung tâm Y tế Thành phố Dĩ An	74028
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	6.720	3.240	3.480	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	TTYT Huyện Dầu Tiếng	74102	TTYT Huyện Dầu Tiếng	74102
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	52.260	24.000	28.260	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Đồng Nai	Trung tâm Y tế Khu vực Chơn Thành	70008	Trung tâm Y tế Khu vực Chơn Thành	70008
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	1.260	0	1.260	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Lâm Đồng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Bình Thuận	60167	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Bình Thuận	60167
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	360	0	360	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Cà Mau	Bệnh viện đa khoa Cà Mau	96001	BVĐK Cà Mau	96001
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	2.160	900	1.260	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Cà Mau	Bệnh viện đa khoa khu vực Cà Mau	96002	Bệnh viện đa khoa khu vực Cà Mau	96002
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	5.040	2.520	2.520	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Cần Thơ	Trung tâm Y tế Khu vực Ô Môn	92007	Trung tâm Y tế Khu vực Ô Môn	92007
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	35.280	35.280	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Cần Thơ	Trung tâm Y tế Khu vực Thốt Nốt	92010	Trung tâm Y tế Khu vực Thốt Nốt	92010
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	41.220	19.800	21.420	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Cần Thơ	Bệnh viện Đa Khoa Thành phố Cần Thơ	92004	Bệnh viện Đa Khoa thành phố Cần Thơ	92004
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	10.080	4.800	5.280	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Cần Thơ	Bệnh viện Quân Y 121	92002	Bệnh viện Quân Y 121	92002
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	7.110	2.100	5.010	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Cần Thơ	Trung tâm y tế Khu vực Bình Thủy	92005	Trung tâm y tế Khu vực Bình Thủy	92005
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	27.360	7.200	20.160	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Cần Thơ	Trung tâm Y tế Khu vực Cái Răng	92006	Trung tâm Y tế Khu vực Cái Răng	92006
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	3.960	0	3.960	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Cao Bằng	BVĐK tỉnh Cao Bằng	04014	BVĐK tỉnh Cao Bằng	04014
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	33.240	6.000	27.240	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Đà Nẵng	Bệnh viện Đa Liễu thành phố Đà Nẵng	48013	Bệnh viện Đa Liễu thành phố Đà Nẵng	48013
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	2.790	0	2.790	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Lâm Đồng	Trung tâm Y tế khu vực Cư Jút	67011	Trung tâm Y tế khu vực Cư Jút	67011
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	720	300	420	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Đồng Nai	Bệnh viện Đa Liễu Đồng Nai	75234	Bệnh viện Đa Liễu Đồng Nai	75234
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	720	720	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Đồng Nai	Trung tâm Y tế Khu Vực Long Khánh	75303	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm Y tế Khu Vực Long Khánh	75303
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	3.600	3.600	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Đồng Tháp	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	87012	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	87012
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	22.590	0	22.590	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Đồng Tháp	Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự	87015	Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự	87015
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	7.680	0	7.680	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Đồng Tháp	Bệnh viện đa khoa Sa Đéc	87014	Bệnh viện đa khoa Sa Đéc	87014
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	2.340	0	2.340	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Đồng Tháp	Trung tâm Y tế Khu Vực Lấp Vò	87005	Trung tâm Y tế Khu Vực Lấp Vò	87005
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	2.340	990	1.350	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Đồng Tháp	Trung tâm Y tế Khu Vực Tháp Mười	87183	Trung tâm Y tế Khu Vực Tháp Mười	87183
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	4.980	4.980	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hà Nội	Bệnh viện 09	01243	Bệnh viện 09	01243

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	43.200	0	21.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hà Nội	Bệnh viện Bạch Mai	01929	Bệnh viện Bạch Mai	01929
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	23.190	0	23.190	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hà Nội	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung Ương	01939	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung Ương	01939
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	23.970	7.470	16.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hà Nội	Bệnh viện da khoa Đông Đa	01004	Bệnh viện da khoa Đông Đa	01004
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	13.860	4.500	9.360	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hà Nội	Bệnh viện Da Khoa Hà Đông	01816	Bệnh viện Da Khoa Hà Đông	01816
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	1.110	300	810	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hà Nội	Bệnh viện da khoa huyện Ba Vì	01822	Bệnh viện da khoa huyện Ba Vì	01822
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	3.240	0	3.240	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hà Nội	Bệnh viện da khoa Văn Đình	01817	Bệnh viện da khoa Văn Đình	01817
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	9.630	6.630	3.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hà Nội	Bệnh viện Phổi Hà Nội	01903	Bệnh viện Phổi Hà Nội	01903
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	3.330	3.330	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hà Nội	Trạm y tế phường Tây Hồ	01803	Phòng khám đa khoa trực thuộc Trạm Y tế phường Tây Hồ	01066
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	3.150	3.150	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hà Nội	Trung tâm y tế quận Ba Đình	01801	Phòng khám đa khoa 50 Hàng Bún (TTYT Quận Ba Đình)	01059
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	20.790	16.800	3.990	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hà Nội	Trung tâm Y tế quận Hai Bà Trưng	01807	Phòng khám đa khoa Mai Hương thuộc TTYT Quận Hai Bà Trưng	01024
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	21.420	2.100	19.320	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hà Nội	Trạm y tế xã Thư Lâm	Chưa có	Phòng khám Bệnh da khoa miễn Dịch	01084
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	13.950	13.950	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hà Nội	Trung tâm y tế quận Đống Đa	01806	Phòng khám đa khoa số 3 (TTYT Đống Đa)	01021
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	1.260	1.260	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hà Nội	TTYT huyện Gia Lâm	01812	Phòng khám đa khoa Trần Quý (TTYT Gia Lâm)	01027
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	14.550	4.500	10.050	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Long Biên	01804	Phòng khám đa khoa Trung tâm (TTYT quận Long Biên)	01092
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	3.930	2.850	1.080	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Thanh Xuân	01809	Phòng khám đa khoa - Trung tâm Y tế quận Thanh Xuân	01074
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	21.030	21.000	30	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Hoàng Mai	01808	Trung tâm y tế Hoàng Mai (Phòng khám đa khoa Linh Đàm)	01045
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	14.640	14.640	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hải Phòng	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Hải Dương	30341	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Hải Dương	30341
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	8.460	8.460	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hải Phòng	Bệnh viện da khoa An Lão	31008	Bệnh viện da khoa An Lão	31008
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	43.410	0	43.410	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hải Phòng	Bệnh viện DK Thủy Nguyên	31006	Bệnh viện DK Thủy Nguyên	31006
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	5.460	0	5.460	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hải Phòng	Bệnh viện da khoa Ngô Quyển	31003	Bệnh viện da khoa Ngô Quyển	31003
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	36.450	0	36.450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hải Phòng	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiếp	31153	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiếp	31153
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	27.390	0	27.390	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hải Phòng	Bệnh viện Kiến An	31031	Bệnh viện Kiến An	31031
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	780	780	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hải Phòng	Trung Tâm Y Tế An Dương	31007	Trung Tâm Y Tế An Dương	31007
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	1.800	0	1.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hải Phòng	Trung tâm Y tế Cát Hải	31013	Trung tâm Y tế Cát Hải	31013
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	1.440	1.440	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hải Phòng	Trung tâm y tế Kiến Thụy thành phố Hải Phòng	31011	Trung tâm y tế Kiến Thụy thành phố Hải Phòng	31011
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	7.830	0	7.830	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hải Phòng	Trung tâm Y tế Đồ Sơn	31012	Trung tâm Y tế Đồ Sơn	31012
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	3.600	1.680	1.920	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hải Phòng	Trung tâm y tế Hải An	31020	Trung tâm y tế Hải An	31020
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	720	0	720	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hải Phòng	Trung tâm Y tế Hồng Bàng	31002	Trung tâm Y tế Hồng Bàng	31002
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	7.890	1.710	6.180	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hải Phòng	Trung Tâm Y tế Lê Chân	31004	Phòng khám điều trị HIV/AIDS	31562
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	19.800	6.300	13.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Cần Thơ	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Hậu Giang	93105	Phòng khám Điều trị HIV/AIDS thuộc Khoa phòng chống HIV/AIDS, Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Hậu Giang	93105
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	5.490	0	5.490	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Cần Thơ	TTYT Thành Phố Ngã Bảy	93108	TTYT Thành Phố Ngã Bảy	93108
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	1.440	450	990	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Quận y 175	79034	Bệnh viện Quận y 175	79034
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	18.030	2.100	15.930	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	79394	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	79394
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	21.000	7.560	8.550	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	79499	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	79499

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	23.400	12.000	11.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Bệnh viện thành phố Thủ Đức	79037	Bệnh viện thành phố Thủ Đức	79037
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	20.160	20.160	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Quận 11	79596	Phòng khám Đa khoa (Thuộc Trung tâm Y tế Quận 11)	79594
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	17.970	17.970	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN BÌNH CHÁNH	79604	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh	79603
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	36.450	10.890	25.560	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Quận 7	79590	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm y tế quận 7	79584
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	133.800	66.900	57.420	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Quận 8	79582	Trung tâm Y tế Quận 8	79582
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	50.700	44.040	6.660	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Quận 5	79015	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm Y tế Quận 5	79613
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	28.200	13.800	14.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế huyện Củ Chi	79764	Phòng khám đa khoa/ Trung tâm Y tế huyện Củ Chi	79764
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	16.590	26.070	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Thành phố Thủ Đức	79583	Trung tâm Y tế Thành phố Thủ Đức - Cơ sở 2	79652
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	3.870	1.200	2.670	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế huyện Cần Giừ	79042	Trung tâm y tế huyện Cần Giừ	79042
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	14.400	14.400	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế huyện Học Món	79640	Trung tâm Y tế huyện Học Môn - Cơ sở 2	79609
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	1.470	1.470	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Huyện Nhà Bè	79729	Trung tâm y tế Huyện Nhà Bè	79729
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	14.190	8.790	5.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN 1	79610	Trung tâm Y tế Quận 1 - Cơ sở 2	79651
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	34.320	17.160	17.160	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Quận 10	79027	Trung tâm y tế Quận 10 - Cơ sở 2	79591
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	89.550	33.300	56.250	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Quận 3	79009	Trung tâm y tế Quận 3 - Cơ sở 4	79600
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	153.000	63.000	90.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Quận 4	79602	Trung tâm Y tế Quận 4 - Cơ sở 3	79662
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	33.960	9.000	24.960	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Quận 6	79599	Trung tâm y tế Quận 6 - Cơ Sở 2	79657
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	23.040	23.040	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế quận Bình Tân	79996	Phòng khám nội tổng hợp thuộc Trung tâm Y tế quận Bình Tân	79586
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	127.260	97.200	30.060	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Quận Bình Thạnh	79579	Trung tâm Y tế quận Bình Thạnh - Cơ sở 2	79655
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	41.010	41.010	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Quận Gò Vấp	79580	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN GÒ VẤP - CƠ SỞ 2 (Phòng khám Nội Tổng hợp)	79653
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	22.500	22.500	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Quận Phước Ninh	79587	Trung tâm y tế Quận Phước Ninh - Cơ sở 2	79656
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	66.600	22.140	44.460	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Quận Tân Phủ	79577	Trung tâm y tế Quận Tân Phú - Cơ sở 2	79664
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	42.110	42.000	110	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Quận Tân Bình	79574	Trung tâm Y tế Quận Tân Bình - Cơ sở 2	79663
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	12.150	12.150	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Thành phố Thủ Đức	79583	Trung tâm Y tế Thành phố Thủ Đức	79583
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	6.690	6.690	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Quận 12	79612	Trung tâm Y tế Quận 12	79612
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	39.030	7.800	31.230	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Phước Thọ	Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình	17001	Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình	17001
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	660	0	660	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Phước Thọ	Trung tâm Y tế khu vực Mai Châu	17008	Trung tâm Y tế khu vực Mai Châu	17008
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	8.610	0	8.610	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hưng Yên	Bệnh viện bệnh nhiệt đới	33913	Bệnh viện bệnh nhiệt đới	33913
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	900	0	900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Khánh Hòa	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Khánh Hòa	56195	Phòng khám CK HIV/AIDS	56195
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	1.080	0	1.080	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Khánh Hòa	Phòng khám Chuyên khoa HIV/AIDS	56195	Phòng khám Chuyên khoa HIV/AIDS	56195
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	3.690	600	3.090	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Khánh Hòa	Phòng khám ngoại trú Trung tâm Y tế khu vực Cam Ranh	56005	Phòng khám ngoại trú Trung tâm Y tế khu vực Cam Ranh	56192
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	1.620	0	1.620	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế khu vực Cam Lâm	56158	Trung tâm Y tế khu vực Cam Lâm	56158
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	6.720	0	6.720	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế Khu Vực Nhà Trang	56008	Phòng khám Đa khoa Nhà Trang	56161
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	2.160	0	2.160	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế khu vực Ninh Hòa	56003	Trung tâm Y tế khu vực Ninh Hòa	56003
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	11.760	6.000	5.760	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	An Giang	Bệnh viện Đa khoa Kiên Giàng	91001	Bệnh viện Đa khoa Kiên Giàng	91001
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	5.040	2.850	2.190	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	An Giang	Trung tâm Y tế Giồng Riêng	91006	Trung tâm Y tế Giồng Riêng	91006

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	4.950	3.300	1.650	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	An Giang	Trung tâm Y tế Gò Quao	91007	Trung tâm Y tế Gò Quao	91007
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	1.050	480	570	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	An Giang	Trung tâm Y tế Kiên Lương	91013	Trung tâm Y tế Kiên Lương	91013
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	5.310	5.310	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	An Giang	Trung tâm Y tế Tân Hiệp	91004	Trung tâm Y tế Tân Hiệp	91004
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	720	0	720	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	An Giang	Trung tâm Y tế Vĩnh Thuần	91010	Trung tâm Y tế Vĩnh Thuần	91010
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	3.000	3.000	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	An Giang	Trung tâm Y tế Hà Tiên	91002	Trung tâm Y tế Hà Tiên	91002
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	4.050	0	4.050	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	An Giang	Trung tâm Y tế Phú Quốc	91011	Trung tâm Y tế Phú Quốc	91011
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	7.800	0	7.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	An Giang	Trung tâm y tế Rạch Gia	91101	Trung tâm y tế Rạch Gia	91101
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	34.830	34.830	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Lang Son	Trung tâm y tế Khu vực Cao Lộc	20011	Trung tâm y tế Khu vực Cao Lộc	20011
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	1.440	0	1.440	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Lào Cai	Bệnh viện Đa Khoa khu vực Bát Xát	10007	Bệnh viện Đa Khoa khu vực Bát Xát - Tỉnh Lào Cai	10007
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	2.070	2.070	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Lào Cai	Bệnh viện đa khoa khu vực Văn Bàn	10008	Bệnh viện đa khoa khu vực Văn Bàn	10008
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	720	240	480	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Lào Cai	Bệnh viện Đa Khoa số 4 tỉnh Lào Cai	10009	Bệnh viện Đa Khoa số 4 tỉnh Lào Cai	10009
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	13.950	5.100	8.850	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Lào Cai	Bệnh viện đa khoa số 2 tỉnh Lào Cai	10061	Bệnh viện đa khoa số 2 tỉnh Lào Cai	10061
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	990	990	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Tây Ninh	Bệnh viện đa khoa Long An	80001	Bệnh viện đa khoa Long An	80001
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	2.880	0	2.880	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Ninh Bình	Bệnh viện Đa khoa Hải Hậu	36017	Bệnh viện Đa khoa Hải Hậu	36017
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	15.120	1.200	13.920	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Ninh Bình	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	36060	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	36060
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	3.510	1.440	2.070	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Nghe An	Bệnh viện Đa Khoa Thành Phố Vinh	40019	Bệnh viện Đa Khoa Thành Phố Vinh	40019
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	12.180	0	12.180	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Nghe An	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An	40001	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An	40001
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	2.430	0	2.430	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Nghe An	Trung tâm Y tế huyện Nghĩa Dân	40567	Trung tâm Y tế huyện Nghĩa Dân	40567
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	2.940	1.440	1.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Ninh Bình	Bệnh viện đa khoa Kim Sơn	37701	Bệnh viện đa khoa Kim Sơn	37701
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	4.860	2.700	2.160	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Ninh Bình	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	37062	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	37062
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	840	0	840	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Ninh Bình	Trung tâm y tế Gia Viễn	37401	Trung tâm y tế Gia Viễn	37401
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	1.890	1.080	810	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Ninh Bình	Trung tâm Y tế Hoa Lư thuộc Sở Y tế tỉnh Ninh Bình	37501	Trung tâm Y tế Hoa Lư thuộc Sở Y tế tỉnh Ninh Bình	37501
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	720	270	450	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế khu vực Thuận Bắc	58012	Trung tâm Y tế khu vực Thuận Bắc	58012
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	3.600	1.080	2.520	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế khu vực Ninh Sơn	58082	Trung tâm Y tế khu vực Ninh Sơn	58082
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	1.200	0	1.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Phú Thọ	Bệnh viện Đa khoa khu vực Phú Thọ	25002	Bệnh viện Đa khoa khu vực Phú Thọ	25002
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	15.810	0	15.810	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Phú Thọ	BVĐK tỉnh Phú Thọ	25001	BVĐK tỉnh Phú Thọ	25001
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	840	420	420	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Quảng Ninh	Bệnh viện Đa khoa Cẩm Phá	22007	Bệnh viện Đa khoa Cẩm Phá	22007
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	40.140	22.740	17.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Quảng Ninh	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh	22001	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh	22001
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	12.060	5.220	6.840	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Quảng Ninh	Bệnh viện Việt Nam- Thụy Điển Ung Bì	22030	Bệnh viện Việt Nam- Thụy Điển Ung Bì	22030
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	6.390	1.200	5.190	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Quảng Ninh	Trung tâm Y tế huyện Tiền Yên	22022	Trung tâm Y tế huyện Tiền Yên	22022
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	7.020	6.300	720	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Quảng Ninh	Trung tâm Y tế huyện Vân Đồn	22021	Trung tâm Y tế huyện Vân Đồn	22021
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	3.900	1.500	2.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Quảng Ninh	Trung tâm y tế thị xã Quảng Yên	22017	Trung tâm y tế thị xã Quảng Yên	22017
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	2.610	900	1.710	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Sơn La	Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Yên, tỉnh Sơn La	14010	Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Yên, tỉnh Sơn La	14010
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	2.380	1.110	1.270	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Sơn La	Bệnh viện Đa khoa khu vực Mai Sơn, tỉnh Sơn La	14002	Bệnh viện Đa khoa khu vực Mai Sơn, tỉnh Sơn La	14002
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	4.140	0	4.140	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Sơn La	Bệnh viện Đa khoa khu vực Yên Châu, tỉnh Sơn La	14006	Bệnh viện Đa khoa khu vực Yên Châu, tỉnh Sơn La	14006
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	3.510	300	3.210	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Sơn La	Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Hồ, tỉnh Sơn La	14011	Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Hồ, tỉnh Sơn La	14011

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	600	420	180	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Tây Ninh	Trung tâm Y tế Khu Vực Bến Cầu	72005	Trung tâm Y tế Khu Vực Bến Cầu	72005
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	7.560	7.560	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Tây Ninh	Trung tâm Y tế Khu Vực Trảng Bàng	72004	Trung tâm Y tế Khu Vực Trảng Bàng	72004
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	2.220	1.200	1.020	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hưng Yên	Bệnh viện Đa khoa Hưng Hà	34008	Bệnh viện Đa khoa Hưng Hà	34008
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	7.320	4.740	2.580	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hưng Yên	Bệnh viện Đa khoa Đông Hưng	34006	Bệnh viện Đa khoa Đông Hưng	34006
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	4.290	4.290	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hưng Yên	Bệnh viện Đa khoa Kiên Xương	34004	Bệnh viện Đa khoa Kiên Xương	34004
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	1.380	1.170	210	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hưng Yên	Bệnh viện Đa khoa Quỳnh Phụ	34007	Bệnh viện Đa khoa Quỳnh Phụ	34007
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	4.770	2.400	2.370	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hưng Yên	Bệnh viện Đa khoa Tiền Hải	34005	Bệnh viện Đa khoa Tiền Hải	34005
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	6.390	2.100	4.290	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hưng Yên	Bệnh viện Đa khoa Vũ Thư	34003	Bệnh viện Đa khoa Vũ Thư	34003
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	2.970	2.100	870	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hưng Yên	Bệnh viện Đa khoa Thái Thụy	34009	Bệnh viện Đa khoa Thái Thụy	34009
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	2.220	120	2.100	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Thái Nguyên	Bệnh viện Đa khoa Đại Từ	19007	Bệnh viện Đa khoa Đại Từ	19007
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	1.440	180	1.260	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Thái Nguyên	Trung tâm Y tế Đông Hỷ	19005	Trung tâm Y tế Đông Hỷ	19005
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	6.720	4.800	1.920	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Đồng Tháp	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy	82003	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy	82003
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	6.720	3.000	1.720	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Đồng Tháp	Bệnh viện Đa khoa khu vực Gò Công	82002	Bệnh viện Đa khoa khu vực Gò Công	82002
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	57.600	57.600	24.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Đồng Tháp	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật	82215	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật	82215
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	26.550	19.380	7.170	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Vĩnh Long	Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Long	86001	Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Long	86001
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	6.900	0	6.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Vĩnh Long	Trung tâm y tế khu vực Bình Minh	86032	Trung tâm y tế khu vực Bình Minh	86032
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	900	0	900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Phước Thọ	Trung tâm y tế khu vực Lập Thạch	26002	Trung tâm y tế khu vực Lập Thạch	26002
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	1.650	960	690	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Phước Thọ	Trung tâm y tế khu vực Vĩnh Yên	26008	Trung tâm y tế khu vực Vĩnh Yên	26008
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	2.070	6.960	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Lào cai	Trung tâm Y tế khu vực Vân Yên	15301	Trung tâm Y tế khu vực Vân Yên	15301
1	A01.N5	AVIRANZ TABLETS 600MG	Efavirenz	600mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 30 viên	Nhóm 5	36 tháng	890110087423 (VN3-92-18)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	viên	2.800	2.160	2.160	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Lào cai	Trung tâm y tế khu vực Yên Bái	15104	Trung tâm y tế khu vực Yên Bái	15104
VIII	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	6.332.290	2.764.200	3.568.090	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội					
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	23.580	10.140	13.440	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	An Giang	Bệnh viện Đa khoa An Giang	89012	Bệnh viện Đa khoa An Giang	89012
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	34.820	8.400	26.420	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	An Giang	TTYT Tịnh Biên	89006	TTYT Tịnh Biên	89006
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	34.860	4.320	30.540	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	An Giang	Trung tâm Y tế Châu Độc	89002	Trung tâm Y tế Châu Độc	89002
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	78.120	27.420	50.700	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Bà Rịa	77003	Bệnh viện Bà Rịa	77003
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	58.980	39.180	19.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Vũng Tàu	77001	Bệnh viện Vũng Tàu	77001
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	20.280	20.280	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế huyện Long Đất	77005	Trung tâm Y tế huyện Long Đất	77005
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	1.560	-	1.560	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế huyện Xuyên Mộc	77006	Trung tâm y tế huyện Xuyên Mộc	77006
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	47.880	5.400	42.480	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Thành phố Vũng Tàu	77004	Trung tâm y tế Thành phố Vũng Tàu	77004
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	22.680	10.980	11.700	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế thành phố Phước Mỹ	77007	Trung tâm y tế thành phố Phước Mỹ	77007
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	48.060	24.000	24.060	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Bắc Ninh	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Bắc Ninh số 1	24280	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Bắc Ninh số 1	24280
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	65.220	21.660	43.560	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Cà Mau	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cà Mau	95079	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cà Mau	95079
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	15.900	12.000	3.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Cà Mau	Trung tâm Y tế Khu vực Bạc Liêu	95033	Trung tâm Y tế Khu vực Bạc Liêu	95033
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	46.980	25.920	21.060	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Bắc Ninh	Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 2	27009	Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 2	27009
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	240	-	240	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Vĩnh Long	Bệnh viện Đa khoa khu vực Ba Tri	83100	Bệnh viện Đa khoa khu vực Ba Tri	83100
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	64.860	57.000	7.860	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Vĩnh Long	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	83009	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	83009
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	45.810	21.000	24.810	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương	74001	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương	74001

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	3.540	-	3.540	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Huyện Phú Giáo	74089	Trung Tâm Y tế Huyện Phú Giáo	74089
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	82.680	12.600	70.080	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y tế Thành Phố Đà Nẵng	74028	Trung Tâm Y tế Thành Phố Đà Nẵng	74028
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	33.120	15.480	17.640	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Thành Phố Thuận An	74039	Trung tâm Y tế Thành Phố Thuận An	74039
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	31.500	4.800	26.700	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Thành phố Bến Cát	74050	Trung tâm Y tế Thành phố Bến Cát	74050
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	2.700	1.200	1.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y tế Thành phố Tân Uyên	74066	Trung Tâm Y tế Thành phố Tân Uyên	74066
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	44.220	9.000	35.220	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế TP. Thủ Đức Một	74008	Trung tâm y tế TP. Thủ Đức Một	74008
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	21.000	5.880	15.120	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	TTYT Huyện Dầu Tiếng	74102	TTYT Huyện Dầu Tiếng	74102
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	3.780	-	3.780	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Đồng Nai	Bệnh viện đa khoa Bình Phước	70001	Trung Tâm Y tế Khu vực Chơn Thành	70001
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	64.920	33.000	31.920	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Đồng Nai	Trung Tâm Y tế Khu vực Chơn Thành	70008	Trung Tâm Y tế Khu vực Chơn Thành	70008
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	26.640	10.680	15.960	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Lâm Đồng	Trung Tâm Kiểm soát bệnh tật Bình Thuận	60167	Trung Tâm Kiểm soát bệnh tật Bình Thuận	60167
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	3.000	720	2.280	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Lâm Đồng	Trung tâm Y tế khu vực Hầm Tân	60019	Trung tâm Y tế khu vực Hầm Tân	60019
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	14.160	8.100	6.060	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Cà Mau	Bệnh viện đa khoa Cà Mau	96001	BVĐK Cà Mau	96001
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	20.160	1.920	18.240	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Cà Mau	Bệnh viện đa khoa khu vực Cà Mau	96002	Bệnh viện đa khoa khu vực Cà Mau	96002
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	4.440	-	4.440	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Cà Mau	Bệnh viện đa khoa Trần Văn Thời	96014	BVĐK Trần Văn Thời	96014
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	10.080	5.040	5.040	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Cần Thơ	Trung tâm Y tế Khu vực Ô Môn	92007	Trung tâm Y tế Khu vực Ô Môn	92007
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	46.260	-	46.260	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Cần Thơ	Trung tâm Y tế Khu vực Thốt Nốt	92010	Trung tâm Y tế Khu vực Thốt Nốt	92010
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	127.860	64.140	63.720	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Cần Thơ	Bệnh viện Đa Khoa Thành phố Cần Thơ	92004	Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ	92004
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	11.520	3.000	8.520	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Cần Thơ	Bệnh viện Quân Y 121	92002	Bệnh viện Quân Y 121	92002
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	14.220	3.000	11.220	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Cần Thơ	Trung tâm y tế Khu vực Bình Thủy	92005	Trung tâm y tế Khu vực Bình Thủy	92005
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	7.200	2.760	4.440	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Cần Thơ	Trung tâm Y tế Khu vực Cái Răng	92006	Trung tâm Y tế Khu vực Cái Răng	92006
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	16.320	6.000	10.320	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Đà Nẵng	Bệnh viện Đa Liễu thành phố Đà Nẵng	48013	Bệnh viện Đa Liễu thành phố Đà Nẵng	48013
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	4.140	4.140	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Đắk Lắk	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Lắk	66242	Phòng khám chuyên khoa HIV/AIDS	66242
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	4.500	1.800	2.700	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Lâm Đồng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Đắk Nông	67093	Phòng khám đa khoa - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Đắk Nông	67093
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	6.360	-	6.360	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Lâm Đồng	Trung tâm Y tế khu vực Cư Jút	67011	Trung tâm Y tế khu vực Cư Jút	67011
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	4.680	-	4.680	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Lâm Đồng	Trung tâm Y tế khu vực Tuy Đức	67074	Trung tâm Y tế khu vực Tuy Đức	67074
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	16.500	11.940	4.560	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Điện Biên	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Điện Biên	11102	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Điện Biên	11102
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	1.440	-	1.440	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Điện Biên	Trung tâm Y tế Điện Biên Đông	11032	Trung tâm Y tế Điện Biên Đông	11032
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	1.440	-	1.440	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Điện Biên	Trung tâm Y tế Mường Ảng	11082	Trung tâm Y tế Mường Ảng	11082
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	1.620	540	1.080	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Điện Biên	Trung tâm Y tế Tuần Giáo	11080	Trung tâm Y tế Tuần Giáo	11080
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	5.760	4.320	1.440	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Đồng Nai	Bệnh Viện Đa Khoa Đồng Nai	75001	Bệnh Viện Đa Khoa Đồng Nai	75001
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	4.380	-	4.380	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Đồng Nai	Bệnh Viện Đa Khoa Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai	75002	Bệnh Viện Đa Khoa Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai	75002
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	7.200	3.000	4.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Đồng Nai	Bệnh Viện Đa Liễu Đồng Nai	75234	Bệnh Viện Đa Liễu Đồng Nai	75234
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	10.080	-	10.080	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Đồng Nai	Bệnh viện Nhi Đồng Đồng Nai	75022	Bệnh Viện Nhi Đồng Đồng Nai	75022
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	49.680	24.000	25.680	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Đồng Nai	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai	75308	Phòng khám chuyên khoa HIV/AIDS thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai	75308
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	31.140	17.100	14.040	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Đồng Nai	Trung tâm Y tế Khu vực Long Khánh	75303	Phòng khám - điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm Y tế Khu Vực Long Khánh	75303
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	14.760	2.700	12.060	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Đồng Nai	Trung tâm Y tế khu vực Long Thành	75299	Phòng Khám đa khoa - Trung tâm Y tế khu vực Long Thành	75299

B

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	10.080	3.600	6.480	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Đồng Nai	Trung tâm Y tế Khu vực Xuân Lộc	75013	Trung tâm Y tế Khu vực Xuân Lộc	75013	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	10.260	-	10.260	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Đồng Tháp	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	87012	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	87012	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	40.230	-	40.230	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Đồng Tháp	Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự	87015	Bệnh viện đa khoa khu vực Hồng Ngự	87015	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	27.000	4.800	22.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Đồng Tháp	Bệnh viện đa khoa Sa Đéc	87014	Bệnh viện đa khoa Sa Đéc	87014	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	6.840	-	6.840	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Đồng Tháp	Trung tâm Y tế Khu vực Lấp Vò	87005	Trung tâm Y tế Khu vực Lấp Vò	87005	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	10.800	-	10.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Đồng Tháp	Trung tâm Y tế Khu vực Tháp Mười	87183	Trung tâm Y tế Khu vực Tháp Mười	87183	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	2.880	1.440	1.440	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Gia Lai	Bệnh viện đa khoa Gia Lai	64001	Bệnh viện đa khoa Gia Lai	64001	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	1.440	720	720	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Tuyên Quang	Bệnh Viện Đa Khoa khu vực Quang Bình tỉnh Tuyên Quang	02013	Bệnh Viện Đa Khoa khu vực Quang Bình tỉnh Tuyên Quang	02013	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	3.480	900	2.580	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Tuyên Quang	BVĐK khu vực Xín Mần tỉnh Tuyên Quang	02007	BVĐK khu vực Xín Mần tỉnh Tuyên Quang	02007	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	5.580	5.580	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Tuyên Quang	Bệnh viện đa khoa Hà Giang tỉnh Tuyên Quang	02001	Bệnh viện đa khoa Hà Giang tỉnh Tuyên Quang	02001	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	16.620	8.100	8.520	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hà Nội	Bệnh viện 09	01243	Bệnh viện 09	01243	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	73.560	-	73.560	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hà Nội	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung Ương	01939	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung Ương	01939	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	71.340	21.300	50.040	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Đống Đa	01004	Bệnh viện đa khoa Đống Đa	01004	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	18.300	-	18.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hà Nội	Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì	01822	Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì	01822	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	6.480	-	6.480	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hà Nội	Bệnh viện đa khoa Văn Đình	01817	Bệnh viện đa khoa Văn Đình	01817	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	28.560	13.200	15.360	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hà Nội	Bệnh viện Phổi hà nội	01903	Bệnh viện Phổi Hà nội	01903	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	14.240	6.000	8.240	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hà Nội	Trung tâm y tế quận Ba Đình	01801	Phòng khám đa khoa 50 Hàng Bùn (TTYT Quận Ba Đình)	01801	01801
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	41.580	18.000	23.580	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hà Nội	Trung tâm Y tế quận Hai Bà Trưng	01807	Phòng khám đa khoa Mai Hương thuộc TTYT Quận Hai Bà Trưng	01807	01807
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	38.880	7.200	31.680	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hà Nội	Trạm y tế xã Thờ Lư	Chưa có	Phòng khám bệnh đa khoa miền Đông	Chưa có	Chưa có
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	45.120	13.200	31.920	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hà Nội	Trung tâm y tế quận Đống Đa	01806	Phòng khám đa khoa số 3 (TTYT Đống Đa)	01806	01806
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	3.840	2.100	1.740	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hà Nội	TTYT huyện Gia Lâm	01812	Phòng khám đa khoa Trâu Quỳ (TTYT Gia Lâm)	01812	01812
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	25.020	9.000	16.020	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Long Biên	01804	Phòng khám Đa khoa Trung tâm (TTYT quận Long Biên)	01804	01804
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	42.060	42.000	60	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hà Nội	Trung tâm y tế Quận Hoàng Mai	01808	Trung tâm y tế Hoàng Mai (Phòng khám đa khoa Linh Đàm)	01808	01808
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	109.800	69.240	40.560	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hà Nội	Trạm Y tế phường Từ Liêm	Chưa có	Phòng khám đa khoa Cầu Diễn thuộc Trạm Y tế phường Từ Liêm	Chưa có	Chưa có
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	9.720	8.100	1.620	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hà Nội	Trạm y tế phường Tây Hồ	01803	Phòng khám đa khoa trực thuộc Trạm Y tế phường Tây Hồ	01803	01803
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	19.020	6.960	12.060	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hà Nội	Trung tâm Y tế Quận Thanh Xuân	01809	Phòng khám đa khoa - Trung tâm Y tế quận Thanh Xuân	01809	01809
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	7.680	7.680	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hải Phòng	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Hải Dương	30341	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Hải Dương	30341	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	16.920	16.920	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hải Phòng	Bệnh viện Nhi Hải Phòng	31032	Bệnh viện Nhi Hải Phòng	31032	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	55.500	55.500	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hải Phòng	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	31153	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	31153	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	1.620	1.620	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hải Phòng	Bệnh viện Nhi Hải Phòng	31032	Bệnh viện Nhi Hải Phòng	31032	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	3.600	-	3.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hải Phòng	Trung tâm Y tế Cát Hải	31013	Trung tâm Y tế Cát Hải	31013	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	2.880	2.880	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hải Phòng	Trung tâm y tế Kiến Thụy thành phố Hải Phòng	31011	Trung tâm y tế Kiến Thụy thành phố Hải Phòng	31011	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
					Viên nén bao phim, Uống					Sun Pharmaceutical Industries Ltd							Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Cần Thơ	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Hậu Giang	93105	Phòng khám Điều trị HIV/AIDS thuộc Khoa phòng chống HIV/AIDS, Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Hậu Giang	93105
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg		Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)		Án Độ	Viên	3.000	37.590	27.060	10.530	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Cần Thơ	TTYT Thành Phố Ngã Bảy	93108	TTYT Thành Phố Ngã Bảy	93108
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Án Độ	Viên	3.000	13.860	4.500	9.360	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Quận y 175	79034	Bệnh viện Quận y 175	79034
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Án Độ	Viên	3.000	4.200	-	4.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Nhi Đồng 1	79394	Bệnh viện Nhi Đồng 1	79394
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Án Độ	Viên	3.000	29.940	7.800	22.140	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Nhi Đồng 2	79405	Bệnh viện Nhi Đồng 2	79405
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Án Độ	Viên	3.000	28.740	1.800	26.940	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Nhi Đồng 2	79408	Bệnh viện Nhi Đồng 2	79408
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Án Độ	Viên	3.000	8.100	4.200	3.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	79499	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	79499
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Án Độ	Viên	3.000	59.610	59.580	30	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Bệnh viện thành phố Thủ Đức	79037	Bệnh viện thành phố Thủ Đức	79037
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Án Độ	Viên	3.000	34.420	34.380	40	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y tế Quận 11	79596	Phòng khám Đa Khoa (Thuộc Trung Tâm Y tế Quận 11)	79594
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Án Độ	Viên	3.000	109.440	51.000	58.440	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y tế Quận 11	79596	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Y tế huyện Bình Chánh	79604
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Án Độ	Viên	3.000	124.800	48.000	76.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y tế Quận 7	79590	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm y tế quận 7	79584
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Án Độ	Viên	3.000	191.520	42.000	149.520	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Quận 8	79582	Trung tâm Y tế Quận 8	79582
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Án Độ	Viên	3.000	66.480	40.380	26.100	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Quận 5	79015	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung Tâm Y tế Quận 5	79613
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Án Độ	Viên	3.000	55.740	55.740	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Thành Phố Thủ Đức	79583	Phòng khám điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủ Đức	79607
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Án Độ	Viên	3.000	75.120	37.320	37.800	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế huyện Củ Chi	79764	Phòng khám đa khoa/Thuộc Trung Tâm Y tế huyện Củ Chi	79764
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Án Độ	Viên	3.000	10.780	3.600	7.180	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế huyện Cần Giuộc	79042	Trung tâm y tế huyện Cần Giuộc	79042
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Án Độ	Viên	3.000	94.410	72.000	22.410	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y huyện Hóc Môn	79640	Trung tâm y tế huyện Hóc Môn - Cơ sở 2	79640
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Án Độ	Viên	3.000	27.420	5.520	21.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Huyện Nhà Bè	79729	Trung tâm y tế Huyện Nhà Bè	79729
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Án Độ	Viên	3.000	104.080	33.960	70.120	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y tế Quận 1 - Cơ sở 2	79610	Trung Tâm Y tế Quận 1 - Cơ sở 2	79610
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Án Độ	Viên	3.000	53.640	16.800	20.140	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế quận 10	79027	Trung tâm y tế Quận 10 - Cơ sở 2	79027
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Án Độ	Viên	3.000	216.000	108.000	108.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Quận 3	79009	Trung tâm y tế Quận 3 - Cơ sở 4	79009
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Án Độ	Viên	3.000	161.400	63.000	98.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung Tâm y tế Quận 4	79602	Trung Tâm Y tế Quận 4 - Cơ sở 3	79602
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Án Độ	Viên	3.000	88.560	27.000	61.560	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Quận 6	79599	Trung tâm y tế Quận 6 - Cơ sở 2	79657
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Án Độ	Viên	3.000	52.080	52.080	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế quận Bình Tân	79996	Phòng khám nội tổng hợp thuộc Trung tâm Y tế quận Bình Tân	79586
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Án Độ	Viên	3.000	251.160	64.800	186.360	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung Tâm y tế Quận Bình Thuận	79579	Trung Tâm Y tế Quận Bình Thuận - Cơ sở 2	79655
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Án Độ	Viên	3.000	71.340	54.000	17.340	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y tế Quận Gò Vấp	79580	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN GÒ VẤP - CƠ SỞ 2 (Phòng khám Nội Tổng hợp)	79653
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Án Độ	Viên	3.000	23.680	40.380	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung Tâm Y tế Quận Phú Nhuận	79587	Trung tâm y tế Quận Phú Nhuận - Cơ sở 2	79656
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Án Độ	Viên	3.000	126.700	87.000	39.700	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Quận Tân Bình	79574	Trung tâm Y tế Quận Tân Bình - Cơ sở 2	79663
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Án Độ	Viên	3.000	110.400	30.960	79.440	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm y tế Quận Tân Phú	79577	Trung tâm y tế Quận Tân Phú - Cơ sở 2	79664
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Án Độ	Viên	3.000	16.140	8.100	8.040	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Thành Phố Thủ Đức	79583	Trung tâm Y tế Thành Phố Thủ Đức	79583
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Án Độ	Viên	3.000	62.040	30.360	31.680	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Thành phố Thủ Đức - Cơ sở 2	79583	Trung tâm Y tế thành phố Thủ Đức - Cơ sở 2	79652
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Án Độ	Viên	3.000	57.060	20.820	36.240	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hồ Chí Minh	Trung tâm Y tế Quận 12	79612	Trung tâm Y tế Quận 12	79612
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Án Độ	Viên	3.000	16.840	12.600	4.240	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Phước Thọ	Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình	17001	Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình	17001

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	900	-	900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Phú Thọ	Trung tâm Y tế khu vực Mai Châu	17008	Trung tâm Y tế khu vực Mai Châu	17008
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	11.880	-	11.880	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hưng Yên	Bệnh viện bệnh nhiệt đới	33913	Bệnh viện bệnh nhiệt đới	33913
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	17.820	17.820	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Khánh Hòa	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Khánh Hòa	56195	Phòng khám CK HIV/AIDS	56195
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	23.520	-	23.520	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Khánh Hòa	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Khánh Hòa	56195	Phòng khám CK HIV/AIDS	56195
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	13.140	1.980	11.160	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế khu vực Cam Ranh	56005	Phòng khám ngoại trú- Trung tâm Y tế khu vực Cam Ranh	56192
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	3.240	-	3.240	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế khu vực Cam Lâm	56158	Trung tâm Y tế khu vực Cam Lâm	56158
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	16.320	-	16.320	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Khánh Hòa	Phòng khám Đa khoa Như Trang	56008	Phòng khám Đa khoa Như Trang	56161
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	8.640	2.820	5.820	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế khu vực Ninh Hòa	56003	Trung tâm Y tế khu vực Ninh Hòa	56003
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	10.020	-	10.020	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Lâm Đồng	BV II Lâm Đồng	68650	BV II Lâm Đồng	68650
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	20.880	5.580	15.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Lâm Đồng	Trung tâm y tế Khu vực Đức Trọng	68440	Trung tâm y tế Khu vực Đức Trọng	68440
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	115.020	61.980	53.040	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Lạng Sơn	Trung tâm y tế Khu vực Cao Lộc	20011	Trung tâm y tế Khu vực Cao Lộc	20011
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	1.440	-	1.440	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Lào Cai	Bệnh viện đa khoa khu vực Bảo Yên	10004	Bệnh viện đa khoa khu vực Bảo Yên	10004
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	2.880	-	2.880	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Lào Cai	Bệnh Viện Đa Khoa khu vực Bát Xát - Tỉnh Lào Cai	10007	Bệnh Viện Đa Khoa khu vực Bát Xát - Tỉnh Lào Cai	10007
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	1.440	1.140	300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Lào Cai	Bệnh Viện Đa Khoa số 4 tỉnh Lào Cai	10009	Bệnh Viện Đa Khoa số 4 tỉnh Lào Cai	10009
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	15.120	9.540	5.580	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Lào Cai	Bệnh viện Đa khoa số 2 tỉnh Lào Cai	10061	Bệnh viện Đa khoa số 2 tỉnh Lào Cai	10061
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	11.400	11.400	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Tây Ninh	Bệnh viện đa khoa khu vực Hậu Nghĩa	80007	Bệnh viện đa khoa khu vực Hậu Nghĩa	80007
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	3.420	-	3.420	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Tây Ninh	Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực Kiến Tường	80013	Bệnh Viện Đa Khoa Khu Vực Kiến Tường	80013
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	9.120	1.200	7.920	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Tây Ninh	Bệnh viện đa khoa Long An	80001	Bệnh viện đa khoa Long An	80001
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	10.590	6.000	4.590	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Tây Ninh	Trung Tâm Y tế khu vực Bến Lức	80004	Trung Tâm Y tế khu vực Bến Lức	80004
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	9.420	3.000	6.420	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Tây Ninh	Trung tâm Y tế khu vực Cần Đước	80006	Trung tâm Y tế khu vực Cần Đước	80006
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	900	-	900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Tây Ninh	Trung tâm y tế khu vực Tầm Vu	80010	Trung tâm y tế khu vực Tầm Vu	80010
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	5.760	-	5.760	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Ninh Bình	Bệnh viện Đa khoa Hải Hậu	36017	Bệnh viện Đa khoa Hải Hậu	36017
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	44.040	4.800	39.240	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Ninh Bình	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	36060	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	36060
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	5.760	-	5.760	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Nghe An	Bệnh viện đa khoa huyện Đô Lương	40005	Bệnh viện đa khoa huyện Đô Lương	40005
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	14.220	3.600	10.620	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Nghe An	Bệnh viện đa khoa Khu vực Tây Bắc Nghệ An	40011	Bệnh viện đa khoa Khu vực Tây Bắc Nghệ An	40011
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	100.680	27.000	73.680	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Nghe An	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An	40001	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An	40001
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	4.860	-	4.860	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Nghe An	Trung tâm Y tế huyện Nghĩa Dân	40567	Trung tâm Y tế huyện Nghĩa Dân	40567
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	7.200	2.340	4.860	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Nghe An	Trung Tâm Y Tế Huyện Quế Phong	40018	Trung Tâm Y Tế Huyện Quế Phong	40018
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	4.320	-	4.320	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Nghe An	Trung Tâm Y Tế Huyện Tương Dương	40014	Trung Tâm Y Tế Huyện Tương Dương	40014
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	4.680	1.200	3.480	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Ninh Bình	Bệnh viện Đa khoa Nho Quan	37301	Bệnh viện Đa khoa Nho Quan	37301
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	4.950	1.200	3.750	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Ninh Bình	Bệnh viện Đa khoa Kim Sơn	37701	Bệnh viện Đa khoa Kim Sơn	37701
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	32.940	6.480	26.460	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Ninh Bình	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	37062	Phòng khám đa khoa trực thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	37062
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	3.480	-	3.480	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Ninh Bình	Trung tâm y tế Gia Viễn	37401	Trung tâm y tế Gia Viễn	37401
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	13.320	3.420	9.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Ninh Bình	Trung Tâm Y Tế Hoa Lư thuộc Sở Y tế tỉnh Ninh Bình	37501	Trung Tâm Y Tế Hoa Lư thuộc Sở Y tế tỉnh Ninh Bình	37501
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	2.700	-	2.700	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Ninh Bình	Trung tâm y tế Yên Khánh	37801	Trung tâm y tế Yên Khánh	37801
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	1.500	600	900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Ninh Bình	Trung tâm Y tế Tam Điệp	37201	Trung tâm Y tế Tam Điệp	37201
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin- Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	1.440	-	1.440	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Ninh Bình	Trung tâm Y tế Yên Mô	37601	Trung tâm Y tế Yên Mô	37601

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	1.560	-	1.560	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Khánh Hòa	Trung tâm y tế khu vực Ninh Phước	58002	Trung tâm y tế khu vực Ninh Phước	58002
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	3.240	1.080	2.160	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế khu vực Thuận Bắc	58012	Trung tâm Y tế khu vực Thuận Bắc	58012
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	7.200	2.160	5.040	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Khánh Hòa	Trung tâm Y tế khu vực Ninh Sơn	58082	Trung tâm Y tế khu vực Ninh Sơn	58082
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	5.940	-	5.940	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Phú Thọ	Bệnh viện Đa khoa khu vực Phú Thọ	25002	Bệnh viện Đa khoa khu vực Phú Thọ	25002
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	40.860	-	40.860	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Phú Thọ	BVĐK tỉnh Phú Thọ	25001	BVĐK tỉnh Phú Thọ	25001
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	6.240	1.800	4.440	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Phú Thọ	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Thọ	25044	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Thọ	25044
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	10.140	1.200	8.940	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Phú Thọ	Trung tâm Y tế khu vực Thanh Sơn	25010	Trung tâm Y tế khu vực Thanh Sơn	25010
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	5.220	-	5.220	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Phú Thọ	Trung tâm Y tế khu vực Tân Sơn	25045	Trung tâm Y tế khu vực Tân Sơn	25045
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	12.000	3.180	8.820	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Đắk Lắk	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Yên	54117	Phòng khám Chuyên khoa HIV/AIDS và điều trị nghiện chất	54117
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	3.870	2.340	1.530	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Quảng Trị	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Quảng Trị	44417	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Quảng Trị	44417
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	5.760	5.760	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Đà Nẵng	Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam	49001	Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam	49001
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	1.920	-	1.920	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Đà Nẵng	Bệnh viện Phụ sản - Nhi Quảng Nam	49112	Bệnh viện Phụ sản - Nhi Quảng Nam	49112
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	4.050	2.100	1.950	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Quảng Ngãi	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi	51224	Phòng Khám, điều trị HIV/AIDS - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi	51224
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	1.740	900	840	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Quảng Ninh	Bệnh viện Đa khoa Cẩm Phả	22007	Bệnh viện Đa khoa Cẩm Phả	22007
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	123.600	63.000	60.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Quảng Ninh	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh	22001	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh	22001
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	20.520	8.880	11.640	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Quảng Ninh	Bệnh viện Việt Nam-Thụy Điển Ưông Bí	22030	Bệnh viện Việt Nam-Thụy Điển Ưông Bí	22030
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	12.780	2.400	10.380	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Quảng Ninh	Trung tâm Y tế huyện Tiên Yên	22022	Trung tâm Y tế huyện Tiên Yên	22022
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	14.040	-	14.040	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Quảng Ninh	Trung tâm Y tế huyện Văn Đồn	22021	Trung tâm Y tế huyện Văn Đồn	22021
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	6.000	3.720	2.280	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Quảng Ninh	Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái	22027	Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái	22027
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	7.800	1.380	6.420	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Quảng Ninh	Trung tâm y tế thị xã Quảng Yên	22017	Trung tâm y tế thị xã Quảng Yên	22017
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	6.600	3.900	2.700	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Quảng Trị	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị (Cơ sở 2)	45092	Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị (Cơ sở 2)	45092
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	8.280	2.160	6.120	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Cần Thơ	Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Sóc Trăng	94001	Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Sóc Trăng	94001
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	11.880	5.580	6.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Cần Thơ	TTYT Khu vực Mỹ Xuyên	94002	TTYT Khu vực Mỹ Xuyên	94002
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	9.000	-	9.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Cần Thơ	TTYT Khu vực Sóc Trăng	94030	TTYT Khu vực Sóc Trăng	94030
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	6.300	-	6.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Cần Thơ	Trung Tâm Y Tế Khu Vực Vĩnh Châu	94007	Trung Tâm Y Tế Khu Vực Vĩnh Châu	94007
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	12.420	1.800	10.620	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Sơn La	Bệnh viện Đa khoa khu vực Phù Yên, tỉnh Sơn La	14004	Bệnh viện Đa khoa khu vực Phù Yên, tỉnh Sơn La	14004
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	4.950	-	4.950	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Sơn La	Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Yên, tỉnh Sơn La	14010	Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Yên, tỉnh Sơn La	14010
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	16.860	4.200	12.660	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Sơn La	Bệnh viện Đa khoa khu vực Mai Sơn, tỉnh Sơn La	14002	Bệnh viện Đa khoa khu vực Mai Sơn, tỉnh Sơn La	14002
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	4.860	1.200	3.660	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Sơn La	Bệnh viện Đa khoa khu vực Mộc Châu, tỉnh Sơn La	14003	Bệnh viện Đa khoa khu vực Mộc Châu, tỉnh Sơn La	14003
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	11.280	6.000	5.280	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Sơn La	Bệnh viện Đa khoa khu vực Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La	14008	Bệnh viện Đa khoa khu vực Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La	14008
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	15.300	-	15.300	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Sơn La	Bệnh viện Đa khoa khu vực Sông Mã, tỉnh Sơn La	14007	Bệnh viện Đa khoa khu vực Sông Mã, tỉnh Sơn La	14007
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	6.120	-	6.120	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Sơn La	Bệnh viện đa khoa khu vực Sốp Cộp, tỉnh Sơn La	14015	Bệnh viện đa khoa khu vực Sốp Cộp, tỉnh Sơn La	14015

16

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	13.500	-	13.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Sơn La	Bệnh viện Đa khoa khu vực Thuận Châu, tỉnh Sơn La	14005	Bệnh viện Đa khoa khu vực Thuận Châu, tỉnh Sơn La	14005	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	12.600	3.000	9.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Sơn La	Bệnh viện Đa khoa khu vực Yên Châu, tỉnh Sơn La	14006	Bệnh viện Đa khoa khu vực Yên Châu, tỉnh Sơn La	14006	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	11.940	-	11.940	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Sơn La	Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Hồ, tỉnh Sơn La	14011	Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Hồ, tỉnh Sơn La	14011	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	31.680	3.960	27.720	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Sơn La	Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Sơn La	14001	Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Sơn La	14001	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	65.520	29.400	36.120	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Tây Ninh	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tây Ninh	72010	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tây Ninh	72010	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	1.200	840	360	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Tây Ninh	Trung Tâm Y tế Khu Vực Bến Cầu	72005	Trung Tâm Y tế Khu Vực Bến Cầu	72005	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	25.020	15.300	9.720	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Tây Ninh	Trung Tâm Y tế Khu Vực Trảng Bàng	72004	Trung Tâm Y tế Khu Vực Trảng Bàng	72004	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	7.260	2.400	4.860	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hưng Yên	Bệnh viện Đa khoa Hưng Hà	34008	Bệnh viện Đa khoa Hưng Hà	34008	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	13.560	3.120	10.440	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hưng Yên	Bệnh viện đa khoa Đông Hưng	34006	Bệnh viện đa khoa Đông Hưng	34006	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	8.400	6.900	1.500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hưng Yên	Bệnh viện Đa khoa Kiến Xương	34004	Bệnh viện Đa khoa Kiến Xương	34004	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	5.940	2.340	3.600	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hưng Yên	Bệnh viện đa khoa Quỳnh Phụ	34007	Bệnh viện đa khoa Quỳnh Phụ	34007	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	10.320	5.160	5.160	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hưng Yên	Bệnh viện Đa khoa Tiền Hải	34005	Bệnh viện Đa khoa Tiền Hải	34005	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	21.240	7.200	14.040	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hưng Yên	Bệnh viện Đa khoa Vũ Thư	34003	Bệnh viện Đa khoa Vũ Thư	34003	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	7.560	3.900	3.660	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hưng Yên	Bệnh viện Đa khoa Thái Thụy	34009	Bệnh viện Đa khoa Thái Thụy	34009	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	2.760	600	2.160	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hưng Yên	Bệnh viện Đa khoa Thái Bình	34001	Bệnh viện Đa khoa Thái Bình	34001	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	2.160	240	1.920	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Hưng Yên	Bệnh viện Nhi Thái Bình	34321	Bệnh viện Nhi Thái Bình	34321	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	21.720	9.000	12.720	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Thái Nguyên	Bệnh viện A Thái Nguyên	19012	Bệnh viện A Thái Nguyên	19012	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	8.640	3.600	5.040	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Thái Nguyên	Bệnh viện Đa khoa Phú Bình	19009	Bệnh viện Đa khoa Phú Bình	19009	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	4.560	600	3.960	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Thái Nguyên	Bệnh viện Đa khoa Đại Từ	19007	Bệnh viện Đa khoa Đại Từ	19007	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	2.880	720	2.160	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Thái Nguyên	Bệnh viện đa khoa Định Hóa	19003	Bệnh viện đa khoa Định Hóa	19003	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	2.880	1.320	1.560	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Thái Nguyên	Trung tâm Y tế Đông Hỷ	19005	Trung tâm Y tế Đông Hỷ	19005	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	16.920	2.400	14.520	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Thái Nguyên	Trung tâm Y tế Thái Nguyên	19001	Trung tâm Y tế Thái Nguyên	19001	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	1.980	600	1.380	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Thái Nguyên	Trung tâm Y tế Phú Lương	19004	Trung tâm Y tế Phú Lương	19004	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	3.000	3.000	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa Bá Thước	38050	Bệnh viện đa khoa Bá Thước	38050	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	2.280	-	2.280	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa Cẩm Thủy	38100	Bệnh viện đa khoa Cẩm Thủy	38100	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	6.540	2.100	4.440	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Thanh Hóa	Bệnh viện Đa khoa Hà Trung	38180	Bệnh viện Đa khoa Hà Trung	38180	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	1.500	720	780	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa Hậu Lộc	38210	Bệnh viện đa khoa Hậu Lộc	38210	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	2.280	300	1.980	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa Hoằng Hóa	38190	Bệnh viện đa khoa Hoằng Hóa	38190	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	2.040	-	2.040	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Thanh Hóa	Bệnh viện Đa khoa Mường Lát	38270	Bệnh viện Đa khoa Mường Lát	38270	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	4.320	-	4.320	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Thanh Hóa	Bệnh Viện Đa Khoa Quảng Xương	38220	Bệnh Viện Đa Khoa Quảng Xương	38220	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	5.040	5.040	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Thanh Hóa	Bệnh viện đa khoa Nghi Sơn	38230	Bệnh viện đa khoa Nghi Sơn	38230	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	13.920	6.000	7.920	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Thanh Hóa	Bệnh viện Đa khoa Học Thành	38010	Bệnh viện Đa khoa Học Thành	38010	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	1.560	-	1.560	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Thanh Hóa	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa	38280	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Thanh Hóa	38280	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	39.060	8.400	30.660	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Thanh Hóa	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa	38741	Phòng khám và điều trị HIV/AIDS, điều trị nghiện chất thuộc trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hoá	38741	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	5.940	3.000	2.940	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Huế	Bệnh viện Trung ương Huế	46001	Bệnh viện Trung ương Huế	46001	
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	13.200	13.200	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Huế	Phòng khám chuyên khoa và điều trị nghiện chất - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Huế	46211	Phòng khám chuyên khoa và điều trị nghiện chất - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Huế	46211	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	27.420	9.600	17.820	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Đồng Tháp	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy	82003	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy	82003
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	24.900	12.000	12.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Đồng Tháp	Bệnh viện Đa khoa khu vực Gò Công	82002	Bệnh viện Đa khoa khu vực Gò Công	82002
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	174.780	154.080	20.700	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Đồng Tháp	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	82215	Phòng khám, điều trị HIV/AIDS thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật	82215
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	7.200	-	7.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Vĩnh Long	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tiểu Cần	84005	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tiểu Cần	84005
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	4.140	1.800	2.340	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Vĩnh Long	Bệnh viện đa khoa Trà Vinh	84001	Bệnh viện đa khoa Trà Vinh	84001
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	3.240	-	3.240	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Vĩnh Long	Trung tâm Y tế khu vực Cầu Kè	84004	Trung tâm Y tế khu vực Cầu Kè	84004
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	2.160	-	2.160	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Vĩnh Long	Trung tâm Y tế khu vực Cảng Long	84002	Trung tâm Y tế khu vực Cảng Long	84002
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	3.420	-	3.420	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Vĩnh Long	Trung tâm Y tế khu vực châu thành	84003	Trung tâm Y tế khu vực châu thành	84003
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	6.120	900	5.220	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Vĩnh Long	Trung tâm Y tế khu vực Trà Cú	84006	Trung tâm Y tế khu vực Trà Cú	84006
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	5.400	-	5.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Vĩnh Long	Trung tâm Y tế khu vực Duyên Hải	84008	Trung tâm Y tế khu vực Duyên Hải	84008
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	46.110	31.800	14.310	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Vĩnh Long	Bệnh viện đa khoa Vĩnh Long	86001	Bệnh viện đa khoa Vĩnh Long	86001
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	6.900	-	6.900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Vĩnh Long	Trung tâm y tế khu vực Bình Minh	86032	Trung tâm y tế khu vực Bình Minh	86032
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	3.960	1.200	2.760	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Phước Thọ	Trung tâm y tế Khu vực Sông Lô	26003	Trung tâm y tế Khu vực Sông Lô	26003
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	18.420	10.020	8.400	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Phước Thọ	Trung tâm y tế khu vực Vĩnh Yên	26008	Trung tâm y tế khu vực Vĩnh Yên	26008
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	15.480	15.480	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Lào Cai	Bệnh viện Đa khoa số 3 tỉnh Lào Cai	15901	Bệnh viện Đa khoa số 3 tỉnh Lào Cai	15901
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	4.680	4.680	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Lào Cai	Trung tâm Y tế khu vực Lạc Yên	15201	Trung tâm Y tế khu vực Lạc Yên	15201
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	1.440	1.440	-	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Lào Cai	Trung tâm Y tế khu vực Văn Chấn	15601	Trung tâm Y tế khu vực Văn Chấn	15601
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	1.890	1.860	30	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Lào Cai	Trung tâm Y tế khu vực Văn Yên	15301	Trung tâm Y tế khu vực Văn Yên	15301
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	4.320	1.080	3.240	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Lào Cai	Trung tâm Y tế khu vực Yên Bình	15401	Trung tâm Y tế khu vực Yên Bình	15401
5	A03.N5	AVOCOMB TABLETS	Lamivudin-Zidovudine	150/300mg	Viên nén bao phim, Uống	Hộp 1 chai 60 viên	Nhóm 5	24 tháng	890114417823 (VN3-248-19)	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Ấn Độ	Viên	3.000	6.750	6.720	30	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	Lào Cai	Trung tâm y tế khu vực Yên Bái	15104	Trung tâm y tế khu vực Yên Bái	15104